

**CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ ALADIN**

**TÀI LIỆU MÔ TẢ YÊU CẦU**

**PHIẾU YÊU CẦU XÂY DỰNG CHỨC NĂNG QUẢN LÝ GOM NHÓM HUYỆN THEO SHOP**

**Mã hiệu dự án:**

**Mã hiệu tài liệu: PYC\_**

**Hà Nội, 10/2023**

**BẢNG GHI NHẬN THAY ĐỔI**

\*A – Tạo mới, M – Sửa đổi, D – Xóa bỏ

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngày**  **thay đổi** | **Vị trí**  **thay đổi** | **A\***  **M, D** | **Nguồn gốc** | **Đầu mối KH** | **Mô tả thay đổi** | **Ghi chú** |
| 10/2023 |  | A | PYC\_ |  | Thêm mới tài liệu | 1.0 |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |

**MỤC LỤC**

[I. NGUỒN GỐC THAY ĐỔI 4](#_Toc147991440)

[II. NỘI DUNG THAY ĐỔI 4](#_Toc147991441)

[1. Mô tả chung về yêu cầu thay đổi 4](#_Toc147991442)

[2. Mô tả thay đổi về luồng nghiệp vụ 4](#_Toc147991443)

[3. Mô tả thay đổi về CSDL 4](#_Toc147991444)

[III. CHI TIẾT CÁC CHỨC NĂNG THAY ĐỔI 4](#_Toc147991445)

[1. KHAI BÁO MENU CHỨC NĂNG 4](#_Toc147991446)

[1.1. Thêm mới Menu chức năng Quản lý gom nhóm huyện theo shop 4](#_Toc147991447)

[2. QUẢN LÝ GOM NHÓM HUYỆN THEO SHOP 5](#_Toc147991448)

[2.1. Thêm mới chức năng Tìm kiếm nhóm huyện theo Shop 5](#_Toc147991449)

[2.2. Thêm mới chức năng thêm mới nhóm huyện theo Shop 6](#_Toc147991450)

[2.3. Thêm mới chức năng Cập nhật nhóm huyện theo Shop 7](#_Toc147991451)

[2.4. Thêm mới chức năng Xoá nhóm huyện theo Shop 7](#_Toc147991452)

[2.5. Thêm mới chức năng View Lịch sử tác động 8](#_Toc147991453)

[2.6. Thêm mới chức năng Quản lý file- Thêm mới/ Cập nhật/ Export nhóm huyện theo Shop 9](#_Toc147991454)

[2.7. Thêm mới chức năng Quản lý file- Export Lịch sử tác động 13](#_Toc147991455)

[2.8. Thêm mới quyền tác động Quản lý gom nhóm huyện theo Shop 14](#_Toc147991456)

[3. HƯỚNG DẪN KHAI BÁO CẤU HÌNH NGHIỆP VỤ 15](#_Toc147991457)

[3.1. Hướng dẫn khai báo Nhóm huyện theo Shop 15](#_Toc147991458)

[3.2. Hướng dẫn khai báo Nhóm huyện 16](#_Toc147991459)

[IV. CHI TIẾT CÁC NGHIỆP VỤ ẢNH HƯỞNG 18](#_Toc147991460)

[1. Các nghiệp vụ trong cùng hệ thống 18](#_Toc147991461)

[2. Chức năng của hệ thống khác 18](#_Toc147991462)

# NGUỒN GỐC THAY ĐỔI

* Thực hiện theo PYC\_1919 do đơn vị P.TKCS chuyển yêu cầu thực hiện.

# NỘI DUNG THAY ĐỔI

## Mô tả chung về yêu cầu thay đổi

* Thêm mới chức năng Thêm/ Sửa/ Xoá/ Quản lý file Quản lý gom nhóm huyện theo shop.

## Mô tả thay đổi về luồng nghiệp vụ

* N/A

## Mô tả thay đổi về CSDL

* N/A

# CHI TIẾT CÁC CHỨC NĂNG THAY ĐỔI

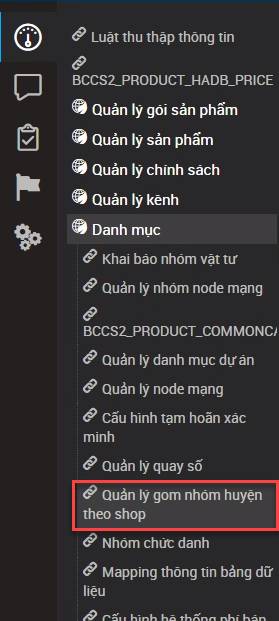
## KHAI BÁO MENU CHỨC NĂNG

### Thêm mới Menu chức năng Quản lý gom nhóm huyện theo shop

#### **Đối tượng bị tác động**

* N/A

#### **Thay đổi về giao diện**



#### **Thay đổi về nghiệp vụ**

* Thêm vào danh mục: Quản lý gom nhóm huyện theo shop
* Nếu user được phân quyền thì menu sẽ được hiển thị. Nếu không được phân quyền sử dụng chức năng thì menu sẽ ẩn trên giao diện
* Khai báo menu chức năng trên VSA: BCCS2\_PRODUCT\_SHOP\_DISTRICTS\_GROUP
* Khai báo menu quyền trên VSA: BCCS2\_PRODUCT\_CREATE\_UPDATE\_GROUP\_ DISTRICT

#### **Xử lý sự kiện tương tác**

* N/A

## CHỨC NĂNG QUẢN LÝ GOM NHÓM HUYỆN THEO SHOP

### Thêm mới chức năng Tìm kiếm nhóm huyện theo Shop

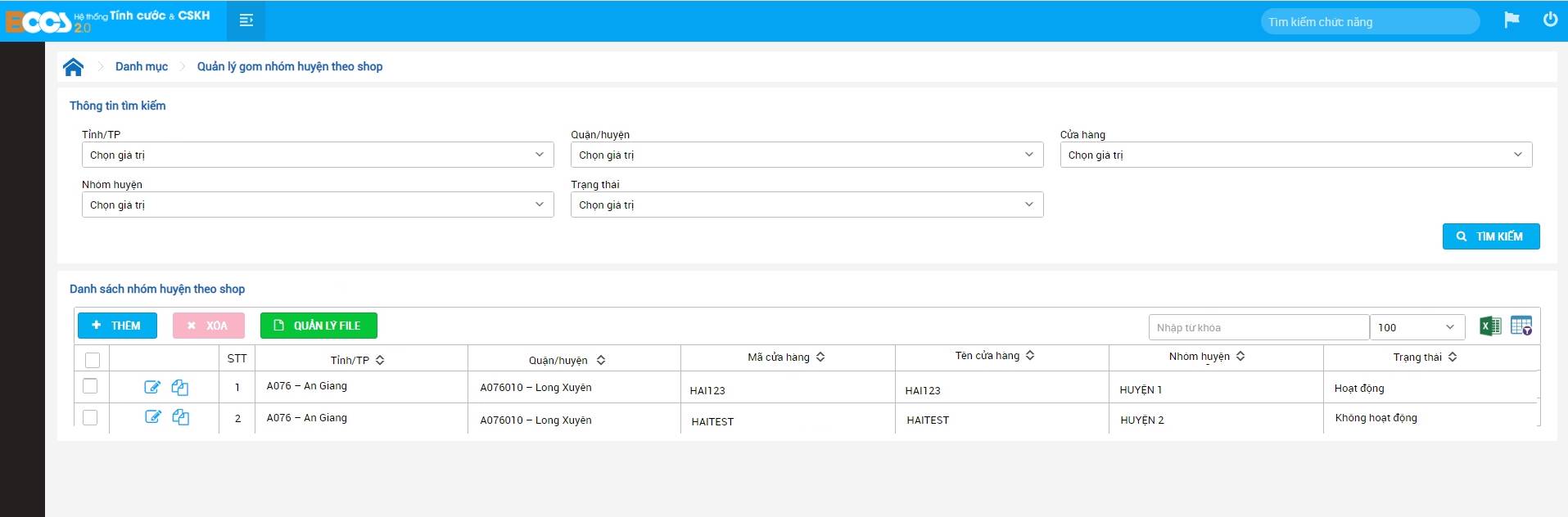
#### **Thay đổi về nghiệp vụ**

* Cho phép tìm kiếm quản lý gom nhóm huyện theo điều kiện nhập
* Hiển thị danh sách quản lý gom nhóm huyện theo điều kiện tìm kiếm

#### **Đối tượng bị tác động**

* Các kênh CH/ĐL thoả mãn:
* Trạng thái khác Không hoạt động (shop.status !=0)
* Loại kênh được cấu hình trong Option\_set, code = 'CHANNEL\_TYPE\_DISTRICT\_GROUP'

#### **Thay đổi về giao diện**



| **STT** | **Tên** | **Loại Control** | **Bắt buộc** | **Độ dài tối đa** | **Read only** | **Mô tả** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thông tin tìm kiếm** | | | | | | |
|  | Tỉnh/TP | Multi choice dropdown |  |  |  | Cho phép chọn nhiều Tỉnh/TP cần tìm kiếm.  Hỗ trợ typing to search.  SQL lấy danh sách Tỉnh/TP (hiển thị dạng Mã tỉnh – Tên tỉnh):  Danh sách Tỉnh/TP lấy theo câu truy vấn tại step 2, mục 2.1.4 [Xử lý sự kiện tương tác](#_Xử_lý_sự)  Dữ liệu trong DB:  SHOP.PROVINCE |
|  | Quận/huyện | Multi choice dropdown |  |  |  | Cho phép chọn nhiều Quận/huyện cần tìm kiếm.  Hỗ trợ typing to search.  Chỉ hiển thị Quận/huyện khi đã chọn Tỉnh/TP  SQL lấy danh sách Quận/huyện (hiển thị dạng Mã tỉnh – Tên tỉnh:  Danh sách Quận/huyện lấy theo câu truy vấn tại step 3, mục 2.1.4 [Xử lý sự kiện tương tác](#_Xử_lý_sự)  Dữ liệu trong DB:  SHOP.DISTRICT |
|  | Cửa hàng | Multi choice dropdown |  |  |  | Cho phép chọn nhiều cửa hàng cần tìm kiếm  Hỗ trợ typing to search  SQL lấy danh sách cửa hàng (hiển thị dạng Mã cửa hàng – Tên cửa hàng):  Danh sách cửa hàng lấy theo câu truy vấn tại step 4, mục 2.1.4 [Xử lý sự kiện tương tác](#_Xử_lý_sự)  Dữ liệu trong DB: Lưu id cửa hàng  SHOP\_EXT.SHOP\_ID |
|  | Nhóm huyện | Select box |  |  |  | Cho phép chọn nhóm huyện, select one  SQL lấy danh sách nhóm huyện:  Danh sách Nhóm/huyện lấy theo câu truy vấn tại step 5, mục 2.1.4 [Xử lý sự kiện tương tác](#_Xử_lý_sự)  Dữ liệu trong DB:  SHOP\_EXT.VALUE, KEY = 'DISTRICT\_GROUP' |
|  | Trạng thái | Select box |  |  |  | Chọn Trạng thái cần tìm kiếm  Giá trị mặc định: Tất cả  Danh sách giá trị gồm:  Chọn dữ liệu  Hoạt động (Status=1)  Không hoạt động (Status=0)  Dữ liệu được lưu:  SHOP\_EXT.STATUS |
|  | Tìm kiếm | Button |  |  |  | Bấm chọn sẽ thực hiện tìm kiếm theo điều kiện của người dùng đã nhập |
| **Danh sách kết quả** | | | | | | |
|  | Thêm | Button |  |  |  | Bấm chọn sẽ hiển thị ra giao diện thêm mới hình thức thanh toán  Xem chi tiết trong mục [Thêm mới chức năng thêm mới nhóm huyện theo shop](#_Thêm_mới_chức_3) |
|  | Xoá | Button |  |  |  | Button mặc định disable trên giao diện  Chỉ hiển thị khi có bản ghi Hoạt động được check chọn  Bấm chọn để update bản ghi có trạng thái Hoạt động (Status = 1) thành Không hoạt động (Status = 0)  Xem chi tiết trong mục [Thêm mới chức năng xóa nhóm huyện theo shop](#_Thêm_mới_chức_3) |
|  | Quản lý file | Button |  |  |  | Bấm chọn hiển thị popup Quản lý file |
|  | Check box | Check box |  |  |  | Chỉ được phép check chọn các bản ghi có trạng thái Hoạt động  Check chọn các bản ghi cần tác động để thực hiện Xoá |
|  |  | Button |  |  |  | Bấm chọn sẽ hiển thị popup cập nhật nhóm huyện theo shop, xem chi tiết trong mục [Thêm mới chức năng cập nhật nhóm huyện theo shop](#_Thêm_mới_chức_5)  Enable với các bản ghi có shop.status != 0  Tooltip: Cập nhật |
|  |  | Button |  |  |  | Bấm chọn hiển thị popup Lịch sử tác động |
|  | Tỉnh/TP | Text |  |  | X | Hiển thị Tỉnh/TP  Dữ liệu trong DB:  SHOP.PROVINCE |
|  | Quận/huyện | Text |  |  | X | Hiển thị Quận/huyện  Dữ liệu trong DB:  SHOP.DISTRICT |
|  | Cửa hàng | Text |  |  | X | Hiển thị Cửa hàng  Dữ liệu trong DB:  SHOP\_EXT.SHOP\_ID |
|  | Nhóm huyện | Text |  |  | X | Hiển thị Nhóm huyện  Dữ liệu trong DB:  SHOP\_EXT.VALUE, KEY = 'DISTRICT\_GROUP' |
|  | Trạng thái | Text |  |  | X | Hiển thị Trạng thái  Dữ liệu trong DB:  SHOP\_EXT.STATUS |

#### **Xử lý sự kiện tương tác**

| **Step** | **Desciption** | **Tái sử dụng** |
| --- | --- | --- |
|  | Lấy Danh sách cấu hình loại kênh nhóm huyện trong option set, code = CHANNEL\_TYPE\_DISTRICT\_GROUP  Select value FROM option\_set\_value WHERE option\_set\_id = (select option\_set\_id from option\_set where code = 'CHANNEL\_TYPE\_DISTRICT\_GROUP' AND STATUS = 1) and status = 1; |  |
|  | Lấy danh sách Tỉnh/TP  Select a.area\_code||' - '|| a.name, a.\*  FROM area a WHERE a.status = 1  and a.parent\_code is null  order by area\_code, name; |  |
|  | Lấy danh sách Quận/huyện  Select a.area\_code||' - '|| a.name, a.\*  FROM area a WHERE a.status = 1  and PARENT\_CODE in (:province, :province2,…, :provincen)  ----lấy list tỉnh chọn trên giao diện(trường area\_code ở step 2)  order by area\_code, name; |  |
|  | Lấy danh sách cửa hàng  SQL:  Select s.shop\_id || ' - ' || s.name, s.\*  from shop s  where 1=1  and s.status != 0  and to\_char(s.CHANNEL\_TYPE\_ID) in (:listValue) --- lấy danh sách value ở step 1  Nếu chọn Tỉnh/TP thì bổ sung điều kiện:  and s.province in (:province, :province2,…, :provincen)  ----lấy list Tỉnh/TP chọn trên giao diện (trường area\_code ở step 2)  Nếu chọn Quận/huyện thì bổ sung điều kiện:  and s.district in (:district1, :district2,…, :districtn)  ----lấy list quận/huyện chọn trên giao diện (trường area\_code ở step 3)  order by s.shop\_id, s.name; |  |
|  | Lấy danh sách Nhóm huyện  Select value || ' - ' || name from option\_set\_value where status = 1 and option\_set\_id = (select option\_set\_id from option\_set where status = 1 and code = 'SHOP\_DISTRICT\_GROUP'); |  |
|  | Lấy dữ liệu Trạng thái  Truyền mảng đối tượng [1: Hoạt động], [2: Không hoạt động] |  |
|  | Tạo SQL thực hiện tìm kiếm  Select  (select area\_code || ' - ' || name from area where area\_code = a.province) as tinh,  (select area\_code || ' - ' || name from area where parent\_code = a.province and district = a.district) as huyen,  a.shop\_id || ' - ' || a.name as shop\_name,  (select value ||'-'|| name from option\_set\_value where status = 1 and option\_set\_id = (select option\_set\_id from option\_set where status = 1 and code = 'SHOP\_DISTRICT\_GROUP') and value =:value) as nhom\_huyen,  Decode (b.status,0, 'Không hoạt động', 1, 'Hoạt động') as status  from  shop a,  shop\_ext b  where 1=1  and a.status!= 0  and a.shop\_id=b.shop\_id  and b.key = 'DISTRICT\_GROUP'  and to\_char (shop.CHANNEL\_TYPE\_ID) in (:listValue) --- lấy danh sách value ở step 1 |  |
|  | Nếu chọn Tỉnh/TP thì bổ sung điều kiện:  And a.province in (:province, :province2,…, :provincen)  ----lấy list Tỉnh/TP chọn trên giao diện (trường area\_code ở step 2) |  |
|  | Nếu chọn Quận/huyện thì bổ sung điều kiện:  And a.district in (:district, :district2,…, :districtn)  ----lấy list Tỉnh/TP chọn trên giao diện (trường area\_code ở step 3) |  |
|  | Nếu chọn cửa hàng thì bổ sung điều kiện:  And a.shop\_code in (:listShop\_code)  ----lấy list cửa hàng chọn trên giao diện (trường shop\_code ở step 4) |  |
|  | Nếu chọn nhóm huyện thì bổ sung thêm điều kiện:  AND b.value in (:listValue)  --- lấy list nhóm huyện chọn trên giao diện (trường shop\_ext.value ở step 5 |  |
|  | Hệ thống hiển thị kết quả tìm kiếm trên danh sách.  Nếu không có kết quả trả về thì:  Error message: Không tìm thấy kết quả, hãy thử lại với điều kiện khác |  |

### Thêm mới chức năng thêm mới nhóm huyện theo Shop

#### **Thay đổi về nghiệp vụ**

* Cho phép Thêm mới nhóm huyện theo Shop
* Thực hiện check trùng với các bản ghi nhóm huyện theo Shop đã tồn tại trên hệ thống

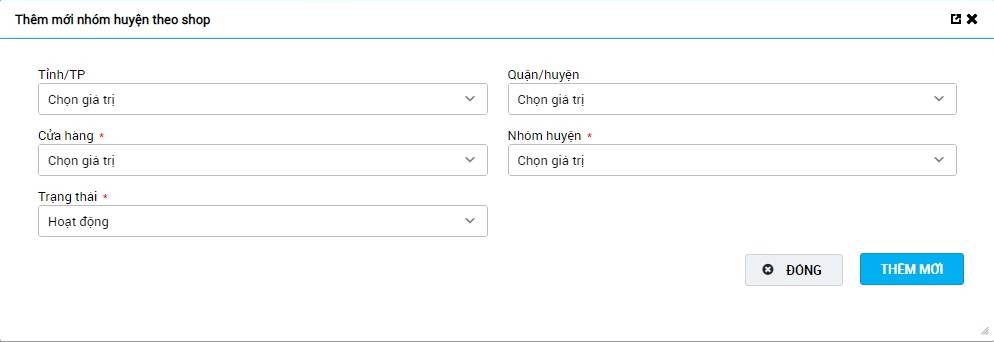
Nếu bị trùng thì:

Error message: Đã tồn tại cửa hàng [List mã cửa hàng (cách nhau bằng dấu,)] được khai báo nhóm huyện

#### **Đối tượng áp dụng**

* Các kênh CH/ĐL thoả mãn:
* Trạng thái khác Không hoạt động (shop.status !=0)
* Loại kênh được cấu hình trong Option\_set, code = 'CHANNEL\_TYPE\_DISTRICT\_GROUP'

#### **Thay đổi về giao diện**



| **STT** | **Tên** | **Loại Control** | **Bắt buộc** | **Độ dài tối đa** | **Read only** | **Mô tả** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Tỉnh/TP | Multi select |  |  |  | Cho phép chọn nhiều Tỉnh/TP  Giá trị mặc đinh: Chọn giá trị  Danh sách Tỉnh/TP lấy theo cấu truy vấn:  Select a.area\_code||' - '|| a.name, a.\* FROM area a WHERE a.status = 1 and a.parent\_code is null order by area\_code, name;  Hỗ trợ typing to search |
|  | Quận/Huyện | Multi select |  |  |  | Cho phép chọn nhiều Quận/huyện  Giá trị mặc đinh: Chọn giá trị  Danh sách Quận/huyện lấy theo cấu truy vấn:  Select a.area\_code||' - '|| a.name, a.\* FROM area a WHERE a.status = 1 and PARENT\_CODE in (:listprovince)  Hỗ trợ typing to search |
|  | Cửa hàng | Multi select | X |  |  | Cho phép chọn nhiều Cửa hàng  Giá trị mặc định: Chọn giá trị  Danh sách cửa hàng lấy theo câu truy vấn tại step …, mục 2.4.4 [Xử lý sự kiện tương tác](#_Xử_lý_sự)  Nếu không chọn thì hiển thị thông báo lỗi:  Error message: Cửa hàng: Dữ liệu chưa được tạo  Dữ liệu được lưu:  SHOP\_EXT.SHOP\_ID, KEY= 'DISTRICT\_GROUP' |
|  | Nhóm huyện | Select box | X |  |  | Cho phép chọn Nhóm huyện  Giá trị mặc định: Chọn giá trị  Danh sách nhóm huyện lấy theo câu truy vấn:  Select value ||'-'|| name from option\_set\_value where status = 1 and option\_set\_id = (select option\_set\_id from option\_set where status = 1 and code = 'SHOP\_DISTRICT\_GROUP');  Nếu không chọn thì hiển thị thông báo lỗi:  Error message: Nhóm huyện: Dữ liệu chưa được tạo  Dữ liệu được lưu:  SHOP\_EXT.VALUE, KEY= 'DISTRICT\_GROUP' |
|  | Trạng thái | Select box | X |  | X | Cho phép chọn Trạng thái  Giá trị mặc định: Hoạt động  Danh sách Trạng thái bao gồm:   * Chọn giá trị * Hoạt động * Không hoạt động   Dữ liệu được lưu:  SHOP\_EXT.STATUS, KEY= 'DISTRICT\_GROUP' |
|  | Đóng | Button |  |  |  | Bấm chọn hiển thị popup confirm:    Chọn Huỷ: Đóng popup confirm  Chọn Đồng ý: Bấm chọn thực hiện quay lại màn hình Danh sách nhóm huyện theo Shop |
|  | Thêm mới | Button |  |  |  | Bấm chọn thực hiện validate các trường thông tin  Nếu không hợp lệ: Hiển thị thông báo lỗi tương ứng  Nếu hợp lệ: Hiển thị popup confirm    Chọn Huỷ: Đóng popup confirm  Chọn Đồng ý: Hệ thống thực hiện lưu dữ liệu vào DB, hiển thị thông báo: Thêm mới thành công |

#### **Xử lý sự kiện tương tác**

| **Step** | **Desciption** | **Tái sử dụng** |
| --- | --- | --- |
|  | Lấy dữ liệu Tỉnh/TP  SQL:  Select a.area\_code||' - '|| a.name, a.\* FROM area a WHERE a.status = 1 and a.parent\_code is null order by area\_code, name; |  |
|  | Lấy dữ liệu Quận/Huyện  SQL:  Select a.area\_code||' - '|| a.name, a.\* FROM area a WHERE a.status = 1 and PARENT\_CODE in (:listprovince); |  |
|  | Lấy Danh sách cấu hình loại kênh nhóm huyện trong option set, code = 'CHANNEL\_TYPE\_DISTRICT\_GROUP'  SQL:  Select value FROM option\_set\_value WHERE option\_set\_id = (select option\_set\_id from option\_set where code = 'CHANNEL\_TYPE\_DISTRICT\_GROUP' AND STATUS = 1) and status = 1; |  |
|  | Lấy danh sách cửa hàng  SQL: Select shop\_code || ' - ' || name, shop.\* from shop  where 1=1 and status != 0  and to\_char(CHANNEL\_TYPE\_ID) in (:listValue) --- lấy danh sách value ở step 3  Nếu chọn Tỉnh/TP thì bổ sung điều kiện:  and province in (:listprovince) ----lấy list Tỉnh/TP chọn trên giao diện (trường area\_code ở step 1)  Nếu chọn Quận/huyện thì bổ sung điều kiện:  and district in (:listdistrict) ----lấy list quận/huyện chọn trên giao diện (trường area\_code ở step 2)  order by shop\_code, name; |  |
|  | Validate Cửa hàng  Nếu không chọn Cửa hàng thì hiển thị thông báo lỗi:  Err\_msg: Cửa hàng: Dữ liệu chưa được tạo |  |
|  | Lấy dữ liệu Nhóm huyện  SQL:  Select value ||'-'|| name from option\_set\_value where status = 1 and option\_set\_id = (select option\_set\_id from option\_set where status = 1 and code = 'SHOP\_DISTRICT\_GROUP'); |  |
|  | Validate Nhóm huyện  Nếu không chọn Cửa hàng thì hiển thị thông báo lỗi:  Err\_msg: Nhóm huyện: Dữ liệu chưa được tạo |  |
|  | Thực hiện check trùng với các bản ghi nhóm huyện theo Shop đã tồn tại trên hệ thống  SQL:  Select \* from shop  where 1=1  and shop\_id in (select shop\_id from shop\_ext where key='DISTRICT\_GROUP')  and shop\_id in (:shop\_id1,:shop\_id2,…,:shop\_idn); -- list mã cửa hàng đã chọn (shop\_id ở step 4)  Nếu SQL có kết quả trả về thì:  Error message: Đã tồn tại cửa hàng [List mã cửa hàng (lấy shop\_code ở sql, các mã cách nhau bằng dấu,)] được khai báo nhóm huyện  Nếu SQL không có kết quả trả về thì thực hiện step tiếp theo |  |
|  | Bấm chọn button [Thêm mới]  Trường hợp validate false các trường thông tin thêm mới, hiển thị lỗi tương ứng  Hợp lệ hiển thị popup confirm    Huỷ: Đóng popup confirm  Đồng ý: Hệ thống thực hiện lưu thông tin vừa tạo vào DB, Hiển thị thông báo: Thêm mới thành công |  |
|  | Thực hiện lưu thông tin nhóm huyện theo Shop, thêm mới (insert) bản ghi vào bảng SHOP\_EXT  Trong đó:  ID: Id tự sinh  SHOP\_ID: ID cửa hàng chọn trên giao diện  KEY= 'DISTRICT\_GROUP'  VALUE: nhóm huyện theo shop chọn trên giao diện  STATUS = 1 (hoạt động)  CREATE\_USER = user đăng nhập  UPDATE\_USER = user đăng nhập  CREATE\_DATETIME = sysdate  UPDATE\_DATETIME = sysdate  CHECK\_DISPLAY= null |  |
|  | Thực hiện lưu log tác động ACTION\_AUDIT, ACTION\_DETAIL cho bảng SHOP\_EXT, type = ADD  Insert into ACTION\_AUDIT(action\_code, action\_pyc, description, function, ip, issue\_datetime, pk\_id, pk\_type, reason\_id, shop\_code, user\_name, action\_audit\_id) Values (?, ?, ?, ?, ?, ?, ?, ?, ?, ?, ?, ?);  Trong đó:  ACTION\_AUDIT\_ID: tự sinh  REASON\_ID = 1  ACTION\_CODE = ADD  SHOP\_CODE = Shop\_code của user đăng nhập  USER\_NAME = STAFF\_CODE của user đăng nhập  PK\_TYPE = 'SHOP\_DISTRICT\_GROUP'  DESCRIPTION = Thêm mới nhóm huyện cho cửa hàng ID=[Shop\_id] ---shop\_id của cửa hàng  issue\_datetime = thời gian hiện tại  IP = ip máy  FUNCTION = /shopDistrictsGroup.jsf  PK\_ID = shop\_id ---shop\_id của cửa hàng  các trường còn lại null |  |
|  | Thực hiện lưu log tác động ACTION\_DETAIL cho bảng SHOP\_EXT, type = ADD  Insert into ACTION\_DETAIL (action\_audit\_id, col\_name, issue\_date\_time, new\_value, old\_value, row\_id, table\_name, value\_type, action\_detail\_id) Values (?, ?, ?, ?, ?, ?, ?, ?, ?);  Trong đó:  ACTION\_DETAIL\_ID: tự sinh  ACTION\_AUDIT\_ID: action\_audit\_id  ISSUE\_DATETIME: thời gian hiện tại  TABLE\_NAME: SHOP\_EXT  COL\_NAME: tên trường thông tin có thay đổi  OLD\_VALUE: giá trị cũ  NEW\_VALUE: giá trị mới  ROW\_ID = id trong bảng SHOP\_EXT  Các trường còn lại null |  |

### Thêm mới chức năng Cập nhật nhóm huyện theo Shop

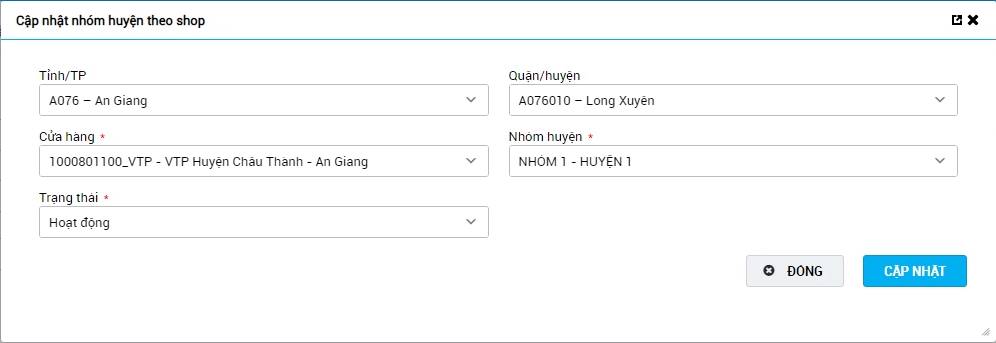
#### **Thay đổi về nghiệp vụ**

* Cho phép Cập nhật bản ghi nhóm huyện theo Shop trên hệ thống

#### **Đối tượng áp dụng**

* Các kênh CH/ĐL thoả mãn:
* Trạng thái khác Không hoạt động (shop.status !=0)
* Loại kênh được cấu hình trong Option\_set, code = 'CHANNEL\_TYPE\_DISTRICT\_GROUP'
* Đã khai báo nhóm huyện (SHOP\_EXT.VALUE, KEY = 'DISTRICT\_GROUP')

#### **Thay đổi về giao diện**



| **STT** | **Tên** | **Loại Control** | **Bắt buộc** | **Độ dài tối đa** | **Read only** | **Mô tả** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Tỉnh/TP | Select box |  |  | X | Hiển thị Tỉnh/TP theo Cửa hàng  Giá trị Tỉnh/TP lấy theo cấu truy vấn:  Select a.area\_code||' - '|| a.name FROM area a , shop sh  WHERE 1=1 and a.province=sh.province  and sh.shop\_id=:shop\_id and a.parent\_code is null;  Dữ liệu lấy tại:  SHOP.PROVINCE |
|  | Quận/Huyện | Select box |  |  | X | Hiển thị Quận/Huyện theo Cửa hàng  Giá trị Quận/Huyện lấy theo cấu truy vấn:  Select a.area\_code||' - '|| a.name FROM area a , shop sh  WHERE 1=1 and a.district=sh.district  and sh.shop\_id=:shop\_id and parent\_code in (:province);  Dữ liệu lấy tại:  SHOP.DISTRICT |
|  | Cửa hàng | Select box | X |  | X | Hiển thị Mã cửa hàng  Mã cửa hàng lấy theo câu truy vấn:  Select shop\_code from shop where shop\_id = (select shop\_id from shop\_ext where key='DISTRICT\_GROUP' and shop\_id=:shop\_id);  Dữ liệu lấy tại:  SHOP\_EXT.SHOP\_ID, KEY= 'DISTRICT\_GROUP' |
|  | Nhóm huyện | Select box | X |  |  | Cho phép chọn Nhóm huyện  Danh sách nhóm huyện lấy theo câu truy vấn:  Select value ||'-'|| name from option\_set\_value where status = 1 and option\_set\_id = (select option\_set\_id from option\_set where status = 1 and code = 'SHOP\_DISTRICT\_GROUP');  Nếu không chọn thì hiển thị thông báo lỗi:  Error message: Nhóm huyện: Dữ liệu chưa được tạo  Dữ liệu được lưu:  SHOP\_EXT.VALUE, KEY= 'DISTRICT\_GROUP' |
|  | Trạng thái | Select box | X |  |  | Cho phép chọn Trạng thái  Danh sách Trạng thái bao gồm:   * Chọn giá trị * Hoạt động * Không hoạt động   Dữ liệu được lưu:  SHOP\_EXT.STATUS, KEY= 'DISTRICT\_GROUP' |
|  | Đóng | Button |  |  |  | Bấm chọn hiển thị popup confirm:    Chọn Huỷ: Đóng popup confirm  Chọn Đồng ý: Bấm chọn thực hiện quay lại màn hình Danh sách nhóm huyện theo Shop |
|  | Cập nhật | Button |  |  |  | Bấm chọn thực hiện validate các trường thông tin  Nếu không hợp lệ: Hiển thị thông báo lỗi tương ứng  Nếu hợp lệ: Hiển thị popup confirm    Chọn Huỷ: Đóng popup confirm  Chọn Đồng ý: Hệ thống thực hiện lưu dữ liệu vào DB, hiển thị thông báo: Cập nhật thành công |

#### **Xử lý sự kiện tương tác**

| **Step** | **Desciption** | **Tái sử dụng** |
| --- | --- | --- |
|  | Lấy thông tin kênh  Select  (select area\_code || ' - ' || name from area where area\_code = a.province) as tinh,  (select area\_code || ' - ' || name from area where parent\_code = a.province and district = a.district) as huyen,  a.shop\_code || ' - ' || a.name as shop\_name,  (select value ||'-'|| name from option\_set\_value where status = 1 and option\_set\_id = (select option\_set\_id from option\_set where status = 1 and code = 'SHOP\_DISTRICT\_GROUP') and value =:value) as nhom\_huyen,  Decode (b.status,0, 'Không hoạt động', 1, 'Hoạt động') as status  from shop a, shop\_ext b  where 1=1  and a.status!= 0  and a.shop\_id=b.shop\_id  and b.key = 'DISTRICT\_GROUP'; |  |
|  | Disable trường Tỉnh/TP, Quận/Huyện, Mã cửa hàng |  |
|  | Lấy dữ liệu Nhóm huyện  SQL:   * Select value ||'-'|| name from option\_set\_value where status = 1 and option\_set\_id = (select option\_set\_id from option\_set where status = 1 and code = 'SHOP\_DISTRICT\_GROUP'); |  |
|  | Validate Nhóm huyện  Nếu không chọn Cửa hàng thì hiển thị thông báo lỗi:  Err\_msg: Nhóm huyện: Dữ liệu chưa được tạo |  |
|  | Validate Trạng thái  Nếu status=null or status=blank thì:  Err\_msg: Trạng thái: Dữ liệu chưa được tạo |  |
|  | Thực hiện check trùng với các bản ghi nhóm huyện theo Shop đã tồn tại trên hệ thống  SQL:  Select \* from shop  where 1=1  and shop\_id in (select shop\_id from shop\_ext where key='DISTRICT\_GROUP' and shop\_id !=:shop\_id)  and shop\_id in (:shop\_id1,:shop\_id2,…,:shop\_idn); -- list mã cửa hàng đã chọn (shop\_id ở step 4)  Nếu SQL có kết quả trả về thì:  Error message: Đã tồn tại cửa hàng [List mã cửa hàng (lấy shop\_code ở sql, các mã cách nhau bằng dấu,)] được khai báo nhóm huyện   * Nếu SQL không có kết quả trả về thì thực hiện step tiếp theo |  |
|  | Bấm chọn button [Cập nhật]  Trường hợp validate false các trường thông tin cập nhật, hiển thị lỗi tương ứng  Hợp lệ hiển thị popup confirm    Huỷ: Đóng popup confirm  Đồng ý: Hệ thống thực hiện lưu thông tin vừa tạo vào DB, Hiển thị thông báo: Cập nhật thành công |  |
|  | Thực hiện lưu thông tin nhóm huyện theo Shop, cập nhật (update) bản ghi vào bảng SHOP\_EXT  Trong đó:  VALUE: nhóm huyện theo shop chọn trên giao diện  STATUS: trạng thái chọn trên giao diện |  |
|  | Thực hiện lưu log tác động ACTION\_AUDIT, ACTION\_DETAIL cho bảng SHOP\_EXT, type = UPDATE  Insert into ACTION\_AUDIT(action\_code, action\_pyc, description, function, ip, issue\_datetime, pk\_id, pk\_type, reason\_id, shop\_code, user\_name, action\_audit\_id) Values (?, ?, ?, ?, ?, ?, ?, ?, ?, ?, ?, ?);  Trong đó:  ACTION\_AUDIT\_ID: tự sinh  REASON\_ID = 1  ACTION\_CODE = ADD  SHOP\_CODE = Shop\_code của user đăng nhập  USER\_NAME = STAFF\_CODE của user đăng nhập  PK\_TYPE = 'SHOP\_DISTRICT\_GROUP'  DESCRIPTION = Cập nhật nhóm huyện cho cửa hàng ID=[Shop\_id] ---shop\_id của cửa hàng  issue\_datetime = thời gian hiện tại  IP = ip máy  FUNCTION = /shopDistrictsGroup.jsf  PK\_ID = shop\_id ---shop\_id của cửa hàng  các trường còn lại null |  |
|  | Thực hiện lưu log tác động ACTION\_DETAIL cho bảng SHOP\_EXT, type = UPDATE  Insert into ACTION\_DETAIL (action\_audit\_id, col\_name, issue\_date\_time, new\_value, old\_value, row\_id, table\_name, value\_type, action\_detail\_id) Values (?, ?, ?, ?, ?, ?, ?, ?, ?);  Trong đó:  ACTION\_DETAIL\_ID: tự sinh  ACTION\_AUDIT\_ID: action\_audit\_id  ISSUE\_DATETIME: thời gian hiện tại  TABLE\_NAME: SHOP\_EXT  COL\_NAME: tên trường thông tin có thay đổi  OLD\_VALUE: giá trị cũ  NEW\_VALUE: giá trị mới  ROW\_ID = id trong bảng SHOP\_EXT  Các trường còn lại null |  |

### Thêm mới chức năng Xoá gom nhóm huyện theo shop

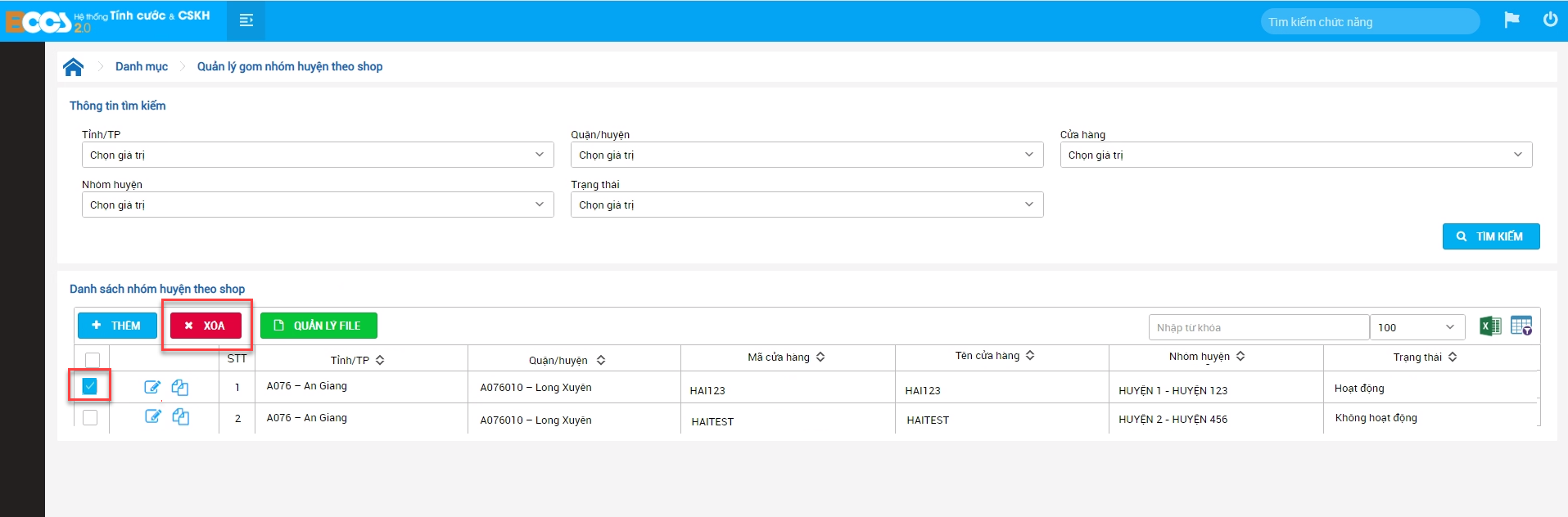
#### **Thay đổi về nghiệp vụ**

* Cho phép xóa bản ghi nhóm huyện theo shop đang có hoạt động trên danh sách

#### **Đối tượng bị tác động**

* Tất cả bản ghi nhóm huyện theo shop đang có hoạt động trên hệ thống

#### **Thay đổi về giao diện**



| **STT** | **Tên** | **Loại Control** | **Bắt buộc** | **Độ dài tối đa** | **Read only** | **Mô tả** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Xoá | Button | X |  | X | Enable button khi có bản ghi có trạng thái hoạt động được check chọn  Bấm chọn hiển thị pop up xác nhận    Chọn Huỷ: Đóng pop up Xác nhận  Chọn Đồng ý: Thực hiện update trạng thái của bản ghi thành Không hoạt động (status = 0) |

#### **Xử lý sự kiện tương tác**

| **Step** | **Desciption** | **Tái sử dụng** |
| --- | --- | --- |
|  | Check chọn bản ghi đang hoạt động trên Danh sách  Bấm chọn button Xoá  Hiển thị pop up Xác nhận    Chọn Huỷ: Đóng pop up Xác nhận  Chọn Đồng ý: Thực hiện update trạng thái của bản ghi thành Không hoạt động (status = 0) |  |
|  | Thực hiện cập nhật dữ liệu vào DB  Update vào bảng SHOP\_EXT  SQL:  Update SHOP\_EXT set status = 0, update\_datetime = sysdate, update\_user = :user\_name WHERE id = :id ;  --- id bản ghi đang xoá, :user\_name là user đăng nhập |  |
|  | Thực hiện lưu log tác động ACTION\_AUDIT, ACTION\_DETAIL cho bảng SHOP\_EXT, type = DELETE  SQL:  Insert into ACTION\_AUDIT(action\_code, action\_pyc, description, function, ip, issue\_datetime, pk\_id, pk\_type, reason\_id, shop\_code, user\_name, action\_audit\_id) Values (?, ?, ?, ?, ?, ?, ?, ?, ?, ?, ?, ?);  Trong đó:   * ACTION\_AUDIT\_ID: tự sinh * REASON\_ID: 1 * ACTION\_CODE: DELETE * SHOP\_CODE: Shop\_code của user đăng nhập * USER\_NAME: STAFF\_CODE của user đăng nhập * PK\_TYPE: SHOP\_DISTRICT\_GROUP * DESCRIPTION: Xoá nhóm huyện cho cửa hàng ID = [Shop\_id] ---shop\_id của cửa hàng * ISSUE\_DATETIME: thời gian hiện tại * IP: ip máy * FUNCTION: /shopDistrictsGroup.jsf * PK\_ID: shop\_id ---shop\_id của cửa hàng * các trường còn lại là null   SQL:  Insert into ACTION\_DETAIL (action\_audit\_id, col\_name, issue\_date\_time, new\_value, old\_value, row\_id, table\_name, value\_type, action\_detail\_id) Values (?, ?, ?, ?, ?, ?, ?, ?, ?);  Trong đó:   * ACTION\_DETAIL\_ID: tự sinh * ACTION\_AUDIT\_ID: action\_audit\_id * ISSUE\_DATETIME: thời gian hiện tại * TABLE\_NAME: SHOP\_EXT * COL\_NAME: tên trường thông tin có thay đổi * OLD\_VALUE: giá trị cũ * NEW\_VALUE: giá trị mới * ROW\_ID = id trong bảng SHOP\_EXT * các trường còn lại là null |  |

### Thêm mới chức năng View Lịch sử tác động

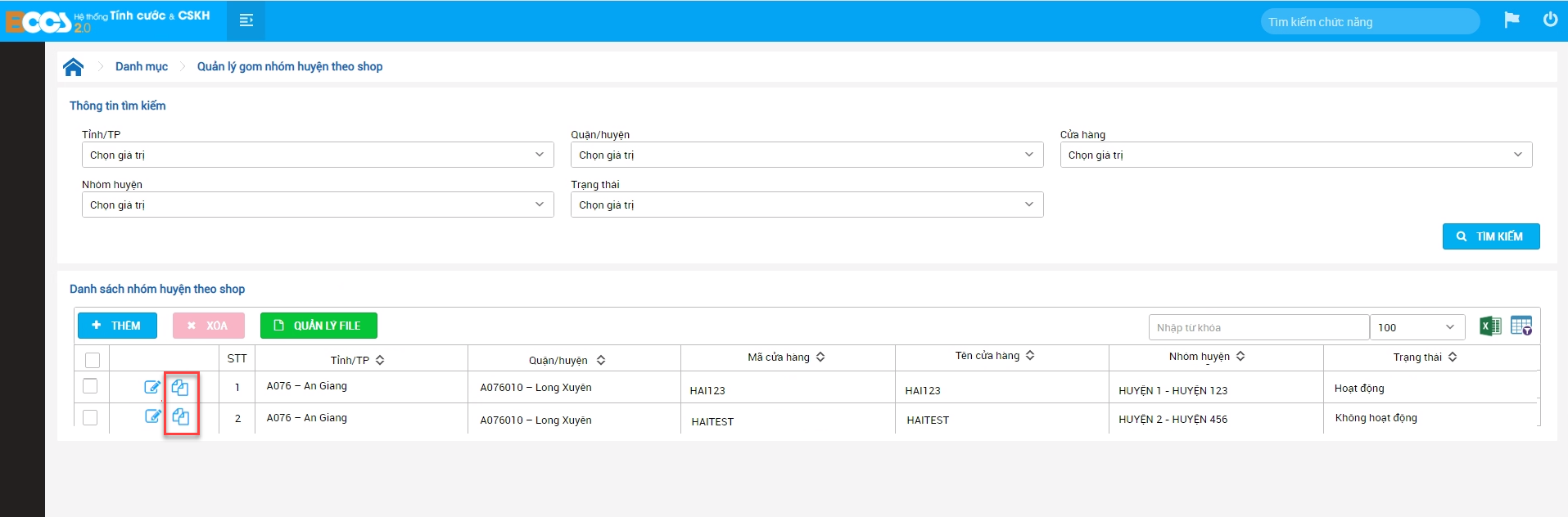
#### **Thay đổi về nghiệp vụ**

* Cho phép tìm kiếm và xem lịch sử tác động, chi tiết lịch sử tác động nhóm huyện theo shop

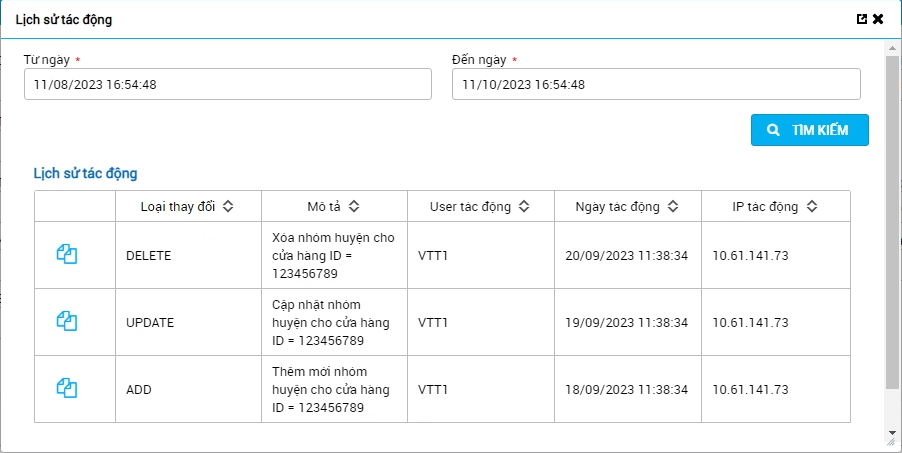
#### **Đối tượng bị tác động**

* Tất cả bản ghi nhóm huyện theo shop

#### **Thay đổi về giao diện**



| **STT** | **Tên** | **Loại Control** | **Bắt buộc** | **Độ dài tối đa** | **Read only** | **Mô tả** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Lịch sử tác động | Icon |  |  |  | Luôn enable  Bấm chọn hiển thị pop up tìm kiếm lịch sử tác động |



| **STT** | **Tên** | **Loại Control** | **Bắt buộc** | **Độ dài tối đa** | **Read only** | **Mô tả** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Từ ngày | Datetime picker | X |  |  | Cho phép chọn Từ ngày  Hỗ trợ nhập từ bàn phím  Giá trị mặc định: Thời gian cách thời gian tìm kiếm 2 tháng  Nếu để trống thì hiển thị thông báo lỗi :  Error message: Từ ngày: Dữ liệu chưa được tạo  Nhập không đúng định dạng “dd/mm/yyyy hh24:mi:ss” thì hiển thị thông báo lỗi:  Error message: Từ ngày không đúng định dạng “dd/mm/yyyy hh24:mi:ss”  Giá trị ‘Từ ngày’ lớn hơn giá trị ‘Đến ngày’thì hiển thị thông báo lỗi:  Error message: Đến ngày phải lớn hơn hoặc bằng Từ ngày  Dữ liệu trong DB:  ACTION\_AUDIT.ISSUE\_DATETIME |
|  | Đến ngày | Datetime picker | X |  |  | Cho phép chọn Đến ngày  Hỗ trợ nhập từ bàn phím  Giá trị mặc định: Thời gian tìm kiếm  Nếu để trống thì hiển thị thông báo lỗi:  Error message: Đến ngày: Dữ liệu chưa được tạo  Nhập không đúng định dạng “dd/mm/yyyy hh24:mi:ss” thì hiển thị thông báo lỗi:  Error message: Đến ngày không đúng định dạng “dd/mm/yyyy hh24:mi:ss”  Giá trị ‘Từ ngày’ lớn hơn giá trị ‘Đến ngày’thì hiển thị thông báo lỗi:  Error message: Đến ngày phải lớn hơn hoặc bằng Từ ngày  Dữ liệu trong DB:  ACTION\_AUDIT.ISSUE\_DATETIME |
|  | Tìm kiếm | Button |  |  |  | Luôn enable  Bấm chọn thực hiện tìm kiếm lịch sử tác động theo điều kiện truyền vào  Nếu không tìm thấy dữ liệu thì hiển thị thông báo lỗi:  Error message: Không có dữ liệu |
| ***Lịch sử tác động*** | | | | | | |
|  | Xem chi tiết | Icon |  |  |  | Luôn enable  Bấm chọn hiển thị Chi tiết lịch sử tác động tương ứng |
|  | Loại thay đổi | Text |  |  | X | Hiển thị loại thay đổi  Dữ liệu trong DB:  ACTION\_AUDIT.ACTION\_CODE |
|  | Mô tả | Text |  |  | X | Hiển thị mô tả  Dữ liệu trong DB:  ACTION\_AUDIT.DESCRIPTION |
|  | User tác động | Text |  |  | X | Hiển thị user tác động  Dữ liệu trong DB:  ACTION\_AUDIT.USER\_NAME |
|  | Ngày tác động | Datetime |  |  | X | Hiển thị Ngày tác động  Định dạng: “dd/mm/yyyy hh24:mi:ss”  Dữ liệu trong DB:  ACTION\_AUDIT.ISSUE\_DATETIME |
|  | IP tác động | Text |  |  | X | Hiển thị IP tác động  Dữ liệu trong DB:  ACTION\_AUDIT.IP |
| ***Chi tiết lịch sử tác động*** | | | | | | |
|  | Cột thay đổi | Text |  |  | X | Hiển thị Cột thay đổi  Dữ liệu trong DB:  ACTION\_DETAIL.COL\_NAME |
|  | Giá trị cũ | Text |  |  | X | Hiển thị Giá trị cũ  Dữ liệu trong DB:  ACTION\_DETAIL.OLD\_VALUE |
|  | Giá trị mới | Text |  |  | X | Hiển thị Giá trị mới  Dữ liệu trong DB:  ACTION\_DETAIL.NEW\_VALUE |

#### **Xử lý sự kiện tương tác**

| **Step** | **Desciption** | **Tái sử dụng** |
| --- | --- | --- |
|  | Thêm mới icon  Lịch sử tác động trên Danh sách gom nhóm huyện theo shop  Bấm chọn icon hiển thị pop up Lịch sử tác động |  |
|  | Validate Từ Ngày  Nếu để trống Từ ngày thì:  Error message: Từ ngày: Dữ liệu chưa được tạo |  |
|  | Validate Từ Ngày  Nhập sai đinh dạng “dd/mm/yyyy hh24:mi:ss” thì:  Error message: Từ ngày không đúng định dạng “dd/mm/yyyy hh24:mi:ss” |  |
|  | Validate Đến ngày  Nếu để trống Đến ngày thì:  Error message: Đến ngày: Dữ liệu chưa được tạo |  |
|  | Validate Đến ngày  Nhập sai đinh dạng “dd/mm/yyyy hh24:mi:ss” thì:  Error message: Đến ngày không đúng định dạng “dd/mm/yyyy hh24:mi:ss” |  |
|  | Validate ràng buộc Từ ngày – Đến ngày  Giá trị ‘Từ ngày’ > giá trị ‘Đến ngày’, thì:  Error message: Đến ngày phải lớn hơn hoặc bằng Từ ngày |  |
|  | Thực hiện thao tác tìm kiếm theo điều kiện, hiển thị danh sách kết quả theo điều kiện tìm kiếm  SELECT action\_audit\_id, action\_code, description, user\_name, issue\_datetime, ip  FROM bccs\_product.action\_audit  WHERE 1=1  AND pk\_id = :shop\_id  AND pk\_type = 'SHOP\_DISTRICT\_GROUP'  AND issue\_datetime >= to\_date(str\_from\_date, 'dd/mm/yyyy hh24:mi:ss')  AND issue\_datetime <= to\_date(str\_to\_date, 'dd/mm/yyyy hh24:mi:ss')  ORDER BY issue\_datetime desc;  Nếu câu truy vấn không có kết quả trả về thì:  Error message: Không có dữ liệu |  |
|  | Thêm mới icon Xem chi tiết  Nếu bấm chọn icon Xem chi tiết để xem chi tiết lịch sử tác động tương ứng thì thực hiện truy vấn:  SELECT col\_name, old\_value, new\_value  FROM bccs\_product.action\_detail  WHERE 1=1  AND action\_audit\_id = :action\_audit\_id --- action\_audit\_id lấy từ step 7  ORDER BY action\_detail\_id asc; |  |

#### **Thay đổi về nghiệp vụ**

#### **Đối tượng áp dụng**

#### **Thay đổi về giao diện**

#### **Xử lý sự kiện tương tác**

### Thêm mới chức năng Quản lý file- Thêm mới/ Cập nhật/ Export nhóm huyện theo Shop

#### **Thay đổi về nghiệp vụ**

* Cho phép Thêm mới/Cập nhật/Export gom nhóm huyện theo Shop bằng chức năng Quản lý file
* Cho phép upload file import định dạng xlsm có dung lượng tối đa 5000000 byte
* Với thao tác Thêm mới thì thực hiện check trùng với tất cả các bản ghi trên hệ thống

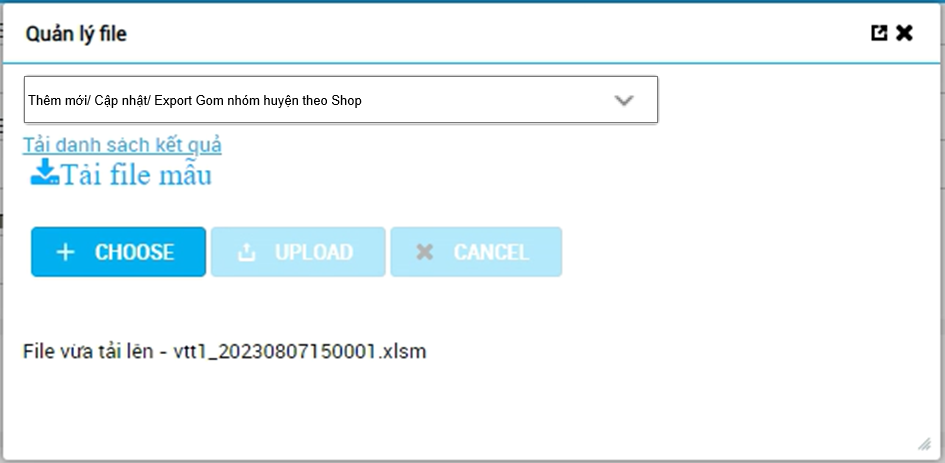
Nếu bị trùng thì trả về lỗi trong file trả về:

Error message: Đã tồn tại cửa hàng [Mã cửa hàng] cấu hình nhóm huyện.

#### **Đối tượng áp dụng**

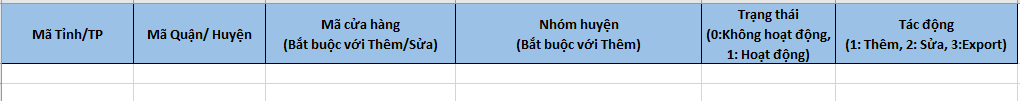
* Tất cả các bản ghi gom nhóm theo Shop có trạng thái khác Không hoạt động trên hệ thống và có Loại kênh nằm trong cấu hình Option\_set.code= 'CHANNEL\_TYPE\_DISTRICT\_GROUP'

#### **Thay đổi về giao diện**



##### Template file import

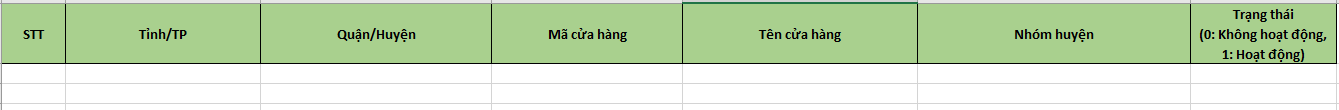




| **STT** | **Tên** | **Loại Control** | **Bắt buộc** | **Độ dài tối đa** | **Read only** | **Mô tả** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Mã Tỉnh/TP | Textbox |  |  |  | Cho phép nhập Mã Tỉnh/TP  ***Với Tác động= Thêm/Cập nhật/Export:***  Nếu nhập Mã Tỉnh/TP không tồn tại thì trả về lỗi trong file trả về (ở cuối dòng):  Error message: Mã Tỉnh/TP không tồn tại  ***Với Tác động= Export:***  Nếu để trống cả 3 trường Mã Tỉnh/TP, Mã cửa hàng, Nhóm huyện thì trả về lỗi trong file trả về (ở cuối dòng):  Error message: Bắt buộc nhập ít nhất một trong ba trường Mã Tỉnh/TP hoặc Mã cửa hàng hoặc Nhóm huyện  Dữ liệu được lưu:  SHOP.PROVINCE |
|  | Mã Quận/Huyện | Textbox |  |  |  | Cho phép nhập Mã Quận/Huyện  ***Với Tác động= Thêm/Cập nhật/Export:***  Nếu nhập Mã Quận/Huyện không tồn tại hoặc không hoạt động thì trả về lỗi trong file trả về (ở cuối dòng):  Error message: Mã Quận/Huyện không tồn tại hoặc không hoạt động  Nếu nhập Mã Quận/Huyện không thuộc Tỉnh/TP thì trả về lỗi trong file trả về (ở cuối dòng):  Error message: Mã Quận/Huyện không thuộc Tỉnh/TP  Dữ liệu được lưu:  SHOP.DISTRICT |
|  | Mã cửa hàng | Textbox | X |  |  | Cho phép nhập Mã cửa hàng  ***Với Tác động= Thêm/Cập nhật:***  Nếu để trống Mã cửa hàng thì trả về lỗi trong file trả về (ở cuối dòng):  Error message: Mã cửa hàng: Chưa nhập dữ liệu  Nếu nhập Mã cửa hàng có loại kênh không nằm trong cấu hình Option\_set, Code='CHANNEL\_TYPE\_DISTRICT\_GROUP' thì trả về lỗi trong file trả về (ở cuối dòng):  Error message: Mã cửa hàng: Mã cửa hàng có loại kênh không được phép gom nhóm huyện theo Shop  ***Với Tác động= Thêm/Cập nhật/Export:***  Nếu nhập Mã cửa hàng không tồn tại hoặc không hoạt động thì trả về lỗi trong file trả về (ở cuối dòng):  Error message: Mã cửa hàng không tồn tại hoặc không hoạt động  Nếu nhập Mã cửa hàng không thuộc Quận/Huyện thì trả về lỗi trong file trả về (ở cuối dòng):  Error message: Mã cửa hàng không thuộc Quận/Huyện  Nếu nhập Mã cửa hàng không thuộc Tỉnh/TP thì trả về lỗi trong file trả về (ở cuối dòng):  Error message: Mã cửa hàng không thuộc Tỉnh/TP  ***Với Tác động= Cập nhật:***  Nếu nhập Mã cửa hàng chưa tồn tại nhóm huyện theo Shop thì trả về lỗi trong file trả về (ở cuối dòng):  Error message: Mã cửa hàng: Mã cửa hàng không tồn tại nhóm huyện theo Shop  ***Với Tác động= Export:***  Nếu để trống cả 3 trường Mã Tỉnh/TP, Mã cửa hàng, Nhóm huyện thì rả về lỗi trong file trả về (ở cuối dòng):  Error message: Bắt buộc nhập ít nhất một trong ba trường Mã Tỉnh/TP hoặc Mã cửa hàng hoặc Nhóm huyện  Dữ liệu được lưu:  SHOP.SHOP\_CODE |
|  | Nhóm huyện | Select box |  |  |  | Cho phép nhập Nhóm huyện  ***Với Tác động= Thêm:***  Nếu để trống Nhóm huyện thì trả về lỗi trong file trả về (ở cuối dòng):  Error message: Nhóm huyện: Chưa nhập dữ liệu  ***Với Tác động= Thêm/Cập nhật/Export:***  Nếu nhập Nhóm huyện không hoạt động hoặc không tồn tại trong cấu hình Option\_set, code= 'SHOP\_DISTRICT\_GROUP' thì trả về lỗi trong file trả về (ở cuối dòng):  Error message: Nhóm huyện: Nhóm huyện không tồn tại hoặc không hoạt động  ***Với Tác động= Cập nhật:***  Nếu để trống cả 2 trường Nhóm huyện, Trạng thái thì trả về lỗi trong file trả về (ở cuối dòng):  Error message: Bắt buộc nhập ít nhất một trong hai trường Nhóm huyện hoặc Trạng thái  ***Với Tác động= Export:***  Nếu để trống cả 3 trường Mã Tỉnh/TP, Mã cửa hàng, Nhóm huyện thì trả về lỗi trong file trả về (ở cuối dòng):  Error message: Bắt buộc nhập ít nhất một trong ba trường Mã Tỉnh/TP hoặc Mã cửa hàng hoặc Nhóm huyện  Dữ liệu được lưu:  SHOP\_EXT.VALUE, key= 'DISTRICT\_GROUP' |
|  | Trạng thái (0: Không hoạt động, 1: Hoạt động) | Select box |  |  |  | Cho phép nhập Trạng thái  ***Với Tác động= Thêm/Cập nhật/Export:***  Nếu nhập Trạng thái khác 0 hoặc 1 thì trả về lỗi trong file trả về (ở cuối dòng):  Error message: Trạng thái: Trạng thái không hợp lệ  ***Với Tác động= Thêm:***  Nếu nhập Trạng thái = 0 thì trả về lỗi trong file trả về (ở cuối dòng):  Error message: Trạng thái: Với tác động Thêm, Trạng thái mặc định =1  ***Với Tác động= Cập nhật:***  Nếu để trống thì trả về lỗi trong file trả về (ở cuối dòng):  Error message: Trạng thái: Chưa nhập dữ liệu  Nếu để trống cả 2 trường Nhóm huyện, Trạng thái thì trả về lỗi trong file trả về (ở cuối dòng):  Error message: Bắt buộc nhập ít nhất một trong hai trường Nhóm huyện hoặc Trạng thái  Dữ liệu được lưu:  SHOP\_EXT.STATUS, key= 'DISTRICT\_GROUP' |
|  | Tác động  (1: Thêm, 2: Sửa, 3: Export) | Select box | X |  |  | Cho phép nhập Tác động  Nếu để trống thì trả về lỗi trong file trả về (ở cuối dòng):  Error message: Tác động: Chưa nhập dữ liệu  Nếu nhập tác động not in (1,2,3) thì trả về lỗi trong file trả về (ở cuối dòng):  Error message: Tác động không hợp lệ |

##### Template file export





| **STT** | **Tên** | **Loại Control** | **Bắt buộc** | **Độ dài tối đa** | **Read only** | **Mô tả** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | STT | Number |  |  | X | Hiển thị số thứ tự bản ghi |
|  | Tỉnh/TP | Text |  |  | X | Hiển thị Mã Tỉnh/TP- Tên Tỉnh/TP  Dữ liệu được lưu:  SHOP.PROVINCE |
|  | Quận/Huyện | Text |  |  | X | Hiển thị Mã Quận/Huyện - Tên Quận/Huyện  Dữ liệu được lưu:  SHOP.DISTRICT |
|  | Mã cửa hàng | Text |  |  | X | Hiển thị Mã cửa hàng  Dữ liệu được lưu:  SHOP.SHOP\_CODE |
|  | Tên cửa hàng | Text |  |  | X | Hiển thị Tên cửa hàng  Dữ liệu được lưu:  SHOP.NAME |
|  | Nhóm huyện | Text |  |  | X | Hiển thị Mã Nhóm huyện- Tên Nhóm huyện  Dữ liệu được lưu:  SHOP\_EXT.VALUE, key= 'DISTRICT\_GROUP' |
|  | Trạng thái (0: Không hoạt động, 1: Hoạt động) | Text |  |  | X | Hiển thị Trạng thái  Dữ liệu được lưu:  SHOP\_EXT.VALUE, key= 'DISTRICT\_GROUP' |

#### **Xử lý sự kiện tương tác**

| **Step** | **Desciption** | **Tái sử dụng** |
| --- | --- | --- |
|  | Bổ sung option Quản lý file   * Thêm mới/Cập nhật/Export nhóm huyện theo Shop   Chọn option Quản lý file ‘Thêm mới/Cập nhật/Export nhóm huyện theo Shop’  Thực hiện tải file mẫu, nhập dữ liệu và thực hiện import file lên hệ thống |  |
|  | Nếu upload file không đúng định dạng (xlsm) thì:  Err\_msg: Các định dạng file được phép chọn (xlsm)  Nếu upload file chưa có dữ liệu thì:  Hiển thị message: File import không có dữ liệu |  |
|  | Nếu upload file sai template thì trả về lỗi tương ứng trong file Nội dung lỗi trả về  Nếu dung lượng file upload > 5000000byte thì:  Err\_msg: Invalid file size [tên file] [dung lượng file] |  |

##### *Tác động Thêm/Sửa*

| **Step** | **Desciption** | **Tái sử dụng** |
| --- | --- | --- |
|  | Validate Mã Tỉnh/TP  ***Với Tác động in(1,2) (Thêm/Cập nhật):***  SQL: Lấy Tỉnh/TP  Select area\_code from area where status=1 and district is null and precinct is null  Nếu Mã Tỉnh/TP nhập vào không có trong danh sách trả về của SQL thì:  Err\_msg: Mã Tỉnh/TP không tồn tại |  |
|  | Validate Mã Quận/Huyện |  |
|  | Validate Mã cửa hàng |  |
|  | **SQL1**: Lấy Nhóm huyện:  Select value ||'-'|| name from option\_set\_value  where status=1 and option\_set\_id in (select option\_set\_id from option\_set where status=1 and code='SHOP\_DISTRICT\_GROUP'); |  |
|  | Validate Nhóm huyện  ***Với Tác động=1 (Thêm):***  Nếu để trống Nhóm huyện thì:  Err\_msg: Nhóm huyện: Chưa nhập dữ liệu  ***Với Tác động in (1,2) (Thêm/Cập nhật):***  Nếu Nhóm huyện nhập vào không có trong danh sách trả về của SQL1 thì:  Err\_msg: Nhóm huyện không tồn tại hoặc không hoạt động |  |
|  | Valaidate Trạng thái  ***Với Tác động=2 (Cập nhật):***  Nếu status = null or status = blank thì:  Error message: Trạng thái: Chưa nhập dữ liệu  ***Với Tác động in (1,2) (Thêm/Cập nhật):***  Nếu nhập Trạng thái khác 0 hoặc 1 thì:  Error message: Trạng thái không hợp lệ  ***Với Tác động=1 (Thêm):***  Nếu nhập Trạng thái = 0 thì:  Error message: Với tác động Thêm, Trạng thái mặc định =1 |  |
|  | ***Với Tác động=2 (Cập nhật):***  Nếu để trống cả 2 trường Nhóm huyện, Trạng thái thì:  Error message: Bắt buộc nhập ít nhất một trong hai trường Nhóm huyện hoặc Trạng thái |  |
|  | Validate Tác động  Nếu để trống Tác động thì:  Error message: Tác động: Chưa nhập dữ liệu  Nếu nhập Tác động not in (1,2,3) thì:  Error message: Tác động không hợp lệ |  |

##### *Tác động Export*

| **Step** | **Desciption** | **Tái sử dụng** |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |
|  |  |  |

### Thêm mới quyền tác động nhóm huyện theo Shop

#### **Thay đổi về nghiệp vụ**

* Thêm mới quyền BCCS2\_PRODUCT\_CREATE\_UPDATE\_GROUP\_DISTRICT
* Kiểm tra User có quền BCCS2\_PRODUCT\_CREATE\_UPDATE\_GROUP\_DISTRICT không?
* Nếu user có quyền BCCS2\_PRODUCT\_CREATE\_UPDATE\_GROUP\_DISTRICT thì được phép tìm kiếm/thêm mới/sửa/xóa đơn lẻ và theo file
* Nếu user không có quyền BCCS2\_PRODUCT\_CREATE\_UPDATE\_GROUP\_DISTRICT thì chỉ được tìm kiếm, xem lịch sử tác động đơn lẻ/theo file

#### **Đối tượng áp dụng**

* Tất cả nhóm huyện theo shop được khai báo trên hệ thống
* Quyền tác động: BCCS2\_PRODUCT\_CREATE\_UPDATE\_GROUP\_DISTRICT

#### **Thay đổi về giao diện**

* N/A

#### **Xử lý sự kiện tương tác**

| **Step** | **Desciption** | **Tái sử dụng** |
| --- | --- | --- |
|  | Kiểm tra danh sách quyền của user trên VSA trả về có quyền BCCS2\_PRODUCT\_CREATE\_UPDATE\_GROUP\_DISTRICT không?  Nếu user có quyền thì thực hiện xử lý:  Cho phép user tìm kiếm/thêm mới/sửa/xóa đơn lẻ và theo file  Nếu user không có quyền thì:  Chỉ cho phép user tìm kiếm, xem lịch sử tác động đơn lẻ và theo file |  |

## CHỨC NĂNG MẶT HÀNG

### Nâng cấp chức năng Quản lý file - Cập nhật thuộc tính mặt hàng

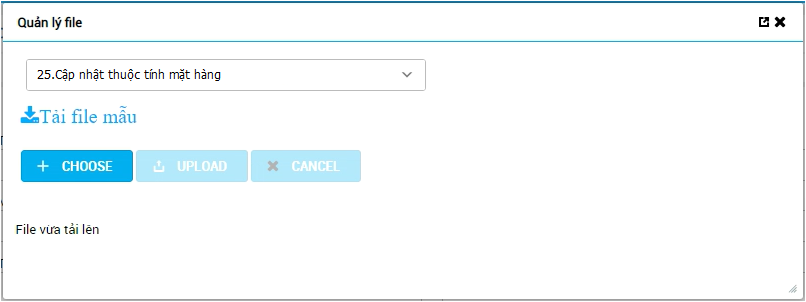
#### **Thay đổi về nghiệp vụ**

* Nâng cấp validate và lưu các trường thông tin có nhập dữ liệu trong file import, các trường thông tin bỏ trống trong import giữ nguyên giá trị đang lưu trong DB

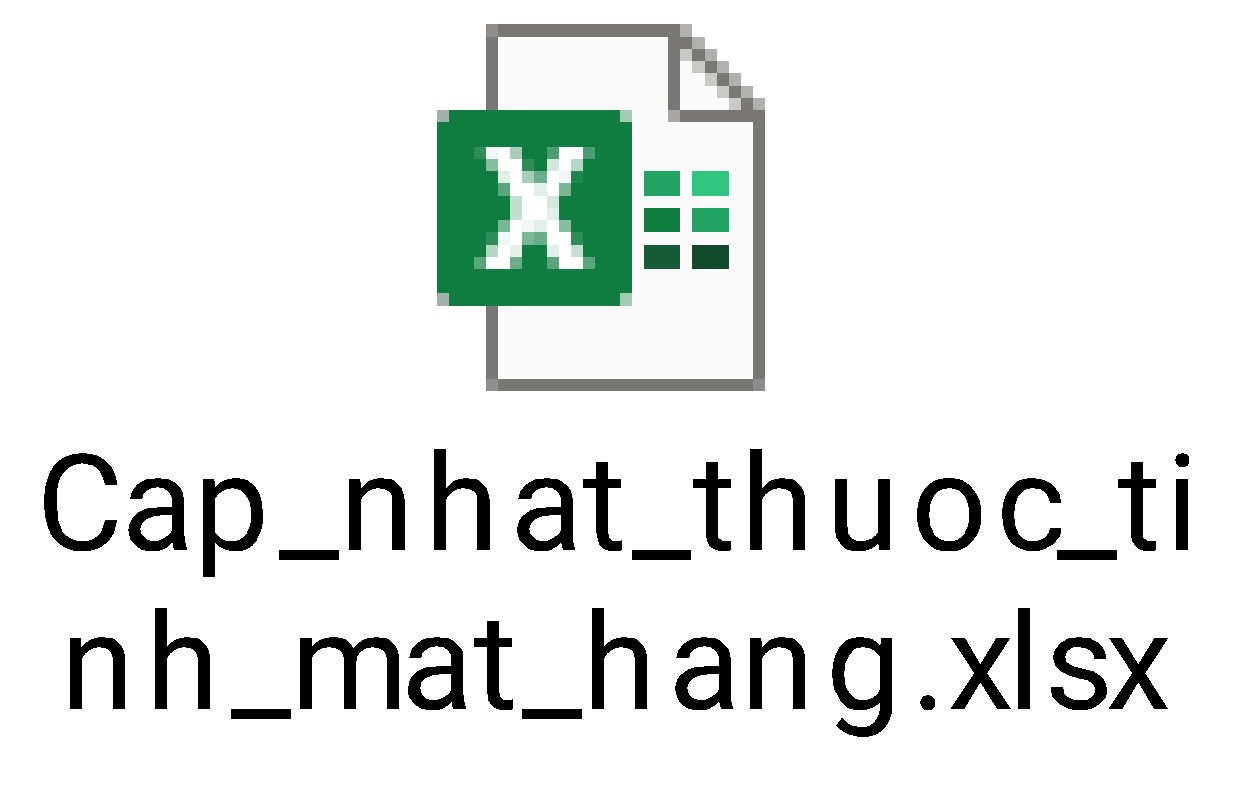
#### **Đối tượng bị tác động**

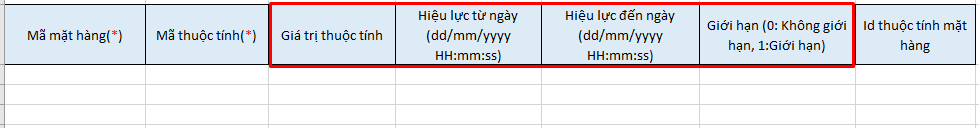
* Tất cả mặt hàng được khai báo trên hệ thống

#### **Thay đổi về giao diện**



* File template import





| **STT** | **Tên** | **Loại Control** | **Bắt buộc** | **Độ dài tối đa** | **Read only** | **Mô tả** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Giá trị thuộc tính | Text |  |  |  | Cho phép nhập Giá trị thuộc tính  Nếu nhập giá trị thuộc tính không thuộc Mã thuộc tính thì trả về lỗi trong file trả về:  Error message: Giá trị thuộc tính không tồn tại  Thực hiện check trùng giá trị thuộc tính của cùng thuộc tính trong khoảng thời gian giao nhau. Nếu bị trùng thì trả về lỗi trong file trả về:  Error message: Thuộc tính [Mã thuộc tính] Đã tồn tại bản ghi mapping trong cùng khoảng thời gian  Nếu bỏ trống Giá trị thuộc tính thì giữ nguyên Giá trị thuộc tính đang lưu trong DB  Dữ liệu trong DB: Lưu ID thuộc tính  PRODUCT\_OFFER\_CHAR\_USE.PRODUCT\_SPEC\_CHAR\_VALUE\_ID |
|  | Hiệu lực từ ngày (dd/mm/yyyy HH:mm:ss) | Date |  |  |  | Cho phép nhập Hiệu lực từ ngày  Định dạng: dd/mm/yyyy HH:mm:ss  Nếu nhập ngày không đúng định dạng thì trả về lỗi trong file trả về:  Error message: Hiệu lực từ ngày: Không đúng định dạng  ***Nếu nhập cả Hiệu lực từ ngày và Hiệu lực đến ngày thì:***  Nếu nhập Hiệu lực từ ngày > Hiệu lực đến ngày thì trả về lỗi trong file trả về:  Error message: Hiệu lực đến ngày phải lớn hơn hoặc bằng Hiệu lực từ ngày  ***Nếu chỉ nhập Hiệu lực từ ngày, bỏ trống Hiệu lực đến ngày thì:***  *Lấy Hiệu lực đến ngày trong DB để kiểm tra:*  Nếu Hiệu lực từ ngày > Hiệu lực đến ngày thì trả về lỗi trong file trả về:  Error message: Hiệu lực đến ngày phải lớn hơn hoặc bằng Hiệu lực từ ngày  Nếu bỏ trống thì giữ nguyên Hiệu lực từ ngày đang lưu trong DB  Dữ liệu trong DB:  PRODUCT\_OFFER\_CHAR\_USE.EFFECT\_DATETIME |
|  | Hiệu lực đến ngày (dd/mm/yyyy HH:mm:ss) | Date |  |  |  | Cho phép nhập Hiệu lực đến ngày  Định dạng: dd/mm/yyyy HH:mm:ss  Nếu nhập ngày không đúng định dạng thì trả về lỗi trong file trả về:  Error message: Hiệu lực từ ngày: Không đúng định dạng  Nếu nhập Hiệu lực đến ngày < ngày hiện tại và Hiệu lực đến ngày != Hiệu lực đến ngày(lưu trong DB) thì trả về lỗi trong file trả về:  Error message: Hiệu lực đến ngày phải lớn hơn hoặc bằng ngày hiện tại  ***Nếu nhập cả Hiệu lực từ ngày và Hiệu lực đến ngày thì:***  Nếu nhập Hiệu lực đến ngày < Hiệu lực từ ngày thì trả về lỗi trong file trả về:  Error message: Hiệu lực đến ngày phải lớn hơn hoặc bằng Hiệu lực từ ngày  ***Nếu nhập Hiệu lực đến ngày, bỏ trống Hiệu lực từ ngày thì:***  *Lấy Hiệu lực từ ngày trong DB để kiểm tra:*  Nếu Hiệu lực từ ngày = null thì trả về lỗi trong file trả về:  Error message: Bắt buộc nhập Hiệu lực từ ngày khi nhập Hiệu lực đến ngày  Nếu nhập Hiệu lực đến ngày < Hiệu lực từ ngày thì trả về lỗi trong file trả về:  Error message: Hiệu lực đến ngày phải lớn hơn hoặc bằng Hiệu lực từ ngày  Nếu bỏ trống thì giữ nguyên Hiệu lực từ ngày đang lưu trong DB  Dữ liệu trong DB:  PRODUCT\_OFFER\_CHAR\_USE.EXPIRE\_DATETIME |
|  | Giới hạn (0:Không giới hạn, 1: Giới hạn) | Number |  |  |  | Cho phép nhập Giới hạn  0: Không giới hạn  1: Giới hạn  Nếu nhập Giới hạn khác 0 hoặc 1 thì trả về lỗi trong file trả về:  Error message: Giới hạn nhập vào không hợp lệ  Nếu bỏ trống thì giữ nguyên Giới hạn đang lưu trong DB  Dữ liệu trong DB:  PRODUCT\_OFFER\_CHAR\_USE.LIMITED |

#### **Xử lý sự kiện tương tác**

| **Step** | **Desciption** |
| --- | --- |
|  | Thêm option Quản lý file ‘25.Cập nhật thuộc tính mặt hàng’  Chọn option Quản lý file ‘25.Cập nhật thuộc tính mặt hàng’  Tải file mẫu, nhập dữ liệu và thực hiện upload file lên hệ thống |
|  | Thực hiện validate các trường thông tin import  Validate Mã mặt hàng  Kiểm tra mã mặt hàng có tồn tại và đang hoạt động không?  Select \* from product\_offering where status =1 and lower(code) = lower(:offer\_code); --product\_code là mã mặt hàng truyền vào  Nếu có kết quả trả về thì thực hiện step tiếp theo  Nếu không có kết quả trả về thì:  Error message: Mã mặt hàng không tồn tại hoặc không hoạt động |
|  | Validate Mã mặt hàng  Nếu offer\_code = null or offer\_code = blank thì:  Error message: Chưa nhập dữ liệu |
|  | Validate Mã thuộc tính  Kiểm tra mã thuộc tính có đối tượng áp dụng Mặt hàng không?  Select \* from product\_spec\_char where status =1  and (product\_spec\_char\_type\_id like '100,%' or product\_spec\_char\_type\_id like '%,100,%'  or product\_spec\_char\_type\_id like '%,100' or product\_spec\_char\_type\_id = '100')  and code = :spec\_char\_code; --Mã thuộc tính truyền vào  Nếu có kết quả trả về thì thực hiện step tiếp theo  Nếu không có kết quả trả về thì:  Error message: Mã thuộc tính không tồn tại |
|  | Validate Mã thuộc tính  Nếu spec\_char\_code = null or spec\_char\_code = blank thì:  Error message: Chưa nhập dữ liệu |
|  | Validate Id thuộc tính mặt hàng  Nếu nhập vào khác ký tự số thì:  Error message: Id thuộc tính mặt hàng không đúng định dạng |
|  | Lấy bản ghi thuộc tính mặt hàng cần cập nhật  Select \* from product\_offer\_char\_use where status =1  And product\_offering\_id = :product\_offering\_id ---lấy ở trường product\_offering\_id từ sql step 2  And product\_spec\_char\_id = :product\_spec\_char\_id ---lấy ở trường product\_spec\_char\_id từ sql step 4  Nếu nhập Id thuộc tính mặt hàng thì bổ sung điều kiện:  And product\_offer\_char\_use\_id = :product\_offer\_char\_use\_id --- lấy id thuộc tính mặt hàng truyền vào  Nếu không có kết quả trả về thì:  Error message: Bản ghi thuộc tính mặt hàng không tồn tại  Nếu số bản ghi trả về > 1 thì:  Error message: Bắt buộc nhập Id thuộc tính mặt hàng do có nhiều bản ghi cùng thuộc tính  Nếu số bản ghi trả về = 1 thì thực hiện step tiếp theo |
|  | Validate Giá trị thuộc tính  Nếu nhập Giá trị thuộc tính trong file import thì:  Kiểm tra giá trị thuộc tính nhập vào có thuộc Mã thuộc tính không?  Select \* from product\_spec\_char\_value where status =1  And product\_spec\_char\_id = :product\_spec\_char\_id -- lấy ở trường product\_spec\_char\_id từ sql step 4  And value = :value ---value là giá trị thuộc tính truyền vào  Nếu có kết quả trả về thì thực hiện step tiếp theo  Nếu không có kết quả trả về thì:  Error message: Giá trị thuộc tính không tồn tại |
|  | Lấy Id giá trị thuộc tính (product\_spec\_char\_value\_id)  Nếu nhập Giá trị thuộc tính trong file template thì:  Id giá trị thuộc tính = product\_spec\_char\_value\_id ở SQL step 8  Nếu bỏ trống Giá trị thuộc tính trong file template thì:  Lấy Id giá trị thuộc tính lưu trong DB:  SELECT product\_spec\_char\_value\_id from product\_offer\_char\_use where product\_offer\_char\_use\_id = :product\_offer\_char\_use\_id; ---lấy :product\_offer\_char\_use\_id từ SQL step 7 |
|  | Validate Hiệu lực từ ngày (effect\_datetime)  Định dạng: dd/mm/yyyy HH:mm:ss  Nếu nhập ngày không đúng định dạng thì:  Error message: Hiệu lực từ ngày: Không đúng định dạng |
|  | Lấy Hiệu lực từ ngày (effect\_datetime)  Nếu nhập Hiệu lực từ ngày trong file import thì:  Hiệu lực từ ngày = Hiệu lực từ ngày truyền vào  Nếu bỏ trống Hiệu lực từ ngày trong file import thì:  Lấy Hiệu lực từ ngày trong DB:  SELECT effect\_datetime from product\_offer\_char\_use where product\_offer\_char\_use\_id = :product\_offer\_char\_use\_id; ---lấy :product\_offer\_char\_use\_id từ SQL step 7 |
|  | Validate Hiệu lực đến ngày(expire\_datetime)  Định dạng: dd/mm/yyyy HH:mm:ss  Nếu nhập ngày không đúng định dạng thì:  Error message: Hiệu lực từ ngày: Không đúng định dạng |
|  | Lấy Hiệu lực đến ngày trong DB:  SELECT expire\_datetime from product\_offer\_char\_use where product\_offer\_char\_use\_id = :product\_offer\_char\_use\_id; ---lấy :product\_offer\_char\_use\_id từ SQL step 7 |
|  | Nếu nhập Hiệu lực đến ngày < Ngày hiện tại và Hiệu lực đến ngày != expire\_datetime(ở SQL step 13) thì:  Error message: Hiệu lực đến ngày phải lớn hơn hoặc bằng ngày hiện tại |
|  | Lấy Hiệu lực đến ngày (expire\_datetime)  Nếu nhập Hiệu lực đến ngày trong file import thì:  Hiệu lực đến ngày = Hiệu lực đến ngày truyền vào  Nếu bỏ trống Hiệu lực đến ngày trong file import thì:  Lấy Hiệu lực đến ngày trong DB: lấy expire\_datetime(ở SQL step 13) |
|  | Validate ràng buộc giữa Hiệu lực từ ngày (ở step 11) và Hiệu lực đến ngày (ở step 15)  Nếu effect\_datetime = null and expire\_datetime != null thì:  Error message: Bắt buộc nhập Hiệu lực từ ngày khi nhập Hiệu lực đến ngày  Nếu effect\_datetime != null, expire\_datetime != null thì:  Nếu effect\_datetime > expire\_datetime thì:  Error message: Hiệu lực đến ngày phải lớn hơn hoặc bằng Hiệu lực từ ngày |
|  | Validate Giới hạn  Nếu nhập Giới hạn khác 0 hoặc 1 thì:  Error message: Giới hạn nhập vào không hợp lệ |
|  | Thực hiện check trùng giá trị thuộc tính của cùng thuộc tính trong khoảng thời gian giao nhau  Gọi hàm isExist của ProductOfferCharUseService  Select \* from bccs\_product.product\_offer\_char\_use  Where 1=1  And status =1  And product\_spec\_char\_id = :psc\_id -- lấy ở trường product\_spec\_char\_id từ sql step 4  And product\_offering\_id = :product\_offering\_id --- lấy ở trường product\_offering\_id từ sql step 2  And product\_offer\_char\_use\_id <> :product\_offer\_char\_use\_id ---lấy ở trường product\_offer\_char\_use\_id step 7  Nếu Id giá trị thuộc tính (ở step 9) = null thì bổ sung điều kiện:  And product\_spec\_char\_value\_id is null  Nếu Id giá trị thuộc tính (ở step 9) != null thì bổ sung điều kiện:  And product\_spec\_char\_value\_id = :psc\_value\_id --- lấy ở trường product\_spec\_char\_value\_id sql step 9  Nếu nhập Hiệu lực từ ngày và Hiệu lực đến ngày thì bổ sung điều kiện:  And (effect\_datetime is null  or (effect\_datetime between to\_date(streffect\_date,'dd/mm/yyyy') and to\_date(strexpire\_date,'dd/mm/yyyy')  or to\_date(streffect\_date,'dd/mm/yyyy') between effect\_datetime  and nvl(expire\_datetime,to\_date('31/12/9999','dd/mm/yyyy'))))  And to\_date(streffect\_date,'dd/mm/yyyy') <> expire\_datetime --- streffect\_date là hiệu lực từ ngày ở step 11  And to\_date(strexpire\_date,'dd/mm/yyyy') <> effect\_datetime; --- strexpire\_date là hiệu lực đến ngày ở step 15  Nếu có kết quả trả về thì:  Error message: Thuộc tính [Mã thuộc tính truyền vào] Đã tồn tại bản ghi mapping trong cùng khoảng thời gian  Nếu không có kết quả trả về thì thực hiện step tiếp theo |
|  | Hệ thống kiểm tra dữ liệu import  Nếu không hợp lệ: Hệ thống trả ra file kết quả import kèm nội dung lỗi tương ứng trong file  Nếu hợp lệ : Message: Import thành công |
|  | Thực hiện cập nhật dữ liệu vào DB (trường nào có dữ liệu trong file import thì mới cập nhật)  UPDATE product\_offer\_char\_use SET product\_spec\_char\_value\_id = :psc\_value\_id, effect\_datetime =:effect\_datetime, expire\_datetime = :expire\_datetime, limited = :limited, update\_user = :user\_name, update\_datetime = sysdate  WHERE product\_offer\_char\_use\_id = :product\_offer\_char\_use\_id  Trong đó:  psc\_value\_id lấy ở trường product\_spec\_char\_value sql step 8  effect\_datetime: lấy hiệu lực từ ngày nhập vào  expire\_datetime: lấy hiệu lực đến ngày nhập vào  limited: lấy giới hạn nhập vào  product\_offer\_char\_use\_id: lấy trường product\_offer\_char\_use\_id step 7  update\_user: lấy user đăng nhập |
|  | Thực hiện lưu log tác động ACTION\_AUDIT, ACTION\_DETAIL cho bảng PRODUCT\_OFFER\_CHAR\_USE, type = UPDATE  Insert into ACTION\_AUDIT(action\_code, action\_pyc, description, function, ip, issue\_datetime, pk\_id, pk\_type, reason\_id, shop\_code, user\_name, action\_audit\_id) Values (?, ?, ?, ?, ?, ?, ?, ?, ?, ?, ?, ?);  Insert into ACTION\_DETAIL (action\_audit\_id, col\_name, issue\_date\_time, new\_value, old\_value, row\_id, table\_name, value\_type, action\_detail\_id) Values (?, ?, ?, ?, ?, ?, ?, ?, ?); |

## TIẾN TRÌNH QUÉT CẢNH BÁO KÊNH SẮP HẾT HẠN VÀ CẢNH BÁO, KHOÁ KÊNH HẾT HẠN HỢP ĐỒNG

### Nâng cấp tiến trình quét cảnh báo kênh CH/ĐL sắp hết hạn và cảnh báo, khoá kênh hết hạn hợp đồng

#### **Thay đổi về nghiệp vụ**

***Hiện trạng:***

* Mỗi ngày tiến trình thực hiện quét kênh CH/ĐL sắp hết hạn và hết hạn hợp đồng 1 lần vào t giờ (t là khoảng thời gian được cấu hình trong file config của tiến trình)
* Với danh sách các kênh sắp hết hạn hợp đồng (Ngày kết thúc hợp đồng >= Ngày hiện tại) thì thực hiện:
  + Lưu thông tin Số ngày còn lại của hợp đồng = Ngày kết thúc hợp đồng - Ngày hiện tại vào bảng SHOP\_EXT
  + Tạo SMS cảnh báo hợp đồng sắp hết hạn cho kênh và nhân viên quản lý kênh và lưu vào bảng BCCS\_SALE.SEND\_SMS

***Nâng cấp:***

* Mỗi ngày tiến trình thực hiện quét kênh CH/ĐL sắp hết hạn và hết hạn hợp đồng 1 lần vào t giờ (t là khoảng thời gian được cấu hình trong file config của tiến trình)
* Với danh sách các kênh sắp hết hạn hợp đồng (Ngày kết thúc hợp đồng >= Ngày hiện tại) thì thực hiện:
  + Lưu thông tin Số ngày còn lại của hợp đồng = Ngày kết thúc hợp đồng - Ngày hiện tại vào bảng SHOP\_EXT
  + Bổ sung điều kiện Check Nếu kênh có tồn tại yêu cầu Thay đổi/Gia hạn HDDT/ Huỷ (request\_type in (2,3,5)) và có trạng thái Đang trình ký HDDT/ Đã Ký HDDT/đang trình ký Voffice (Voffice\_status in ('03', '23', '24'))
  + Tạo SMS cảnh báo hợp đồng sắp hết hạn cho kênh và nhân viên quản lý kênh và lưu vào bảng BCCS\_SALE.SEND\_SMS

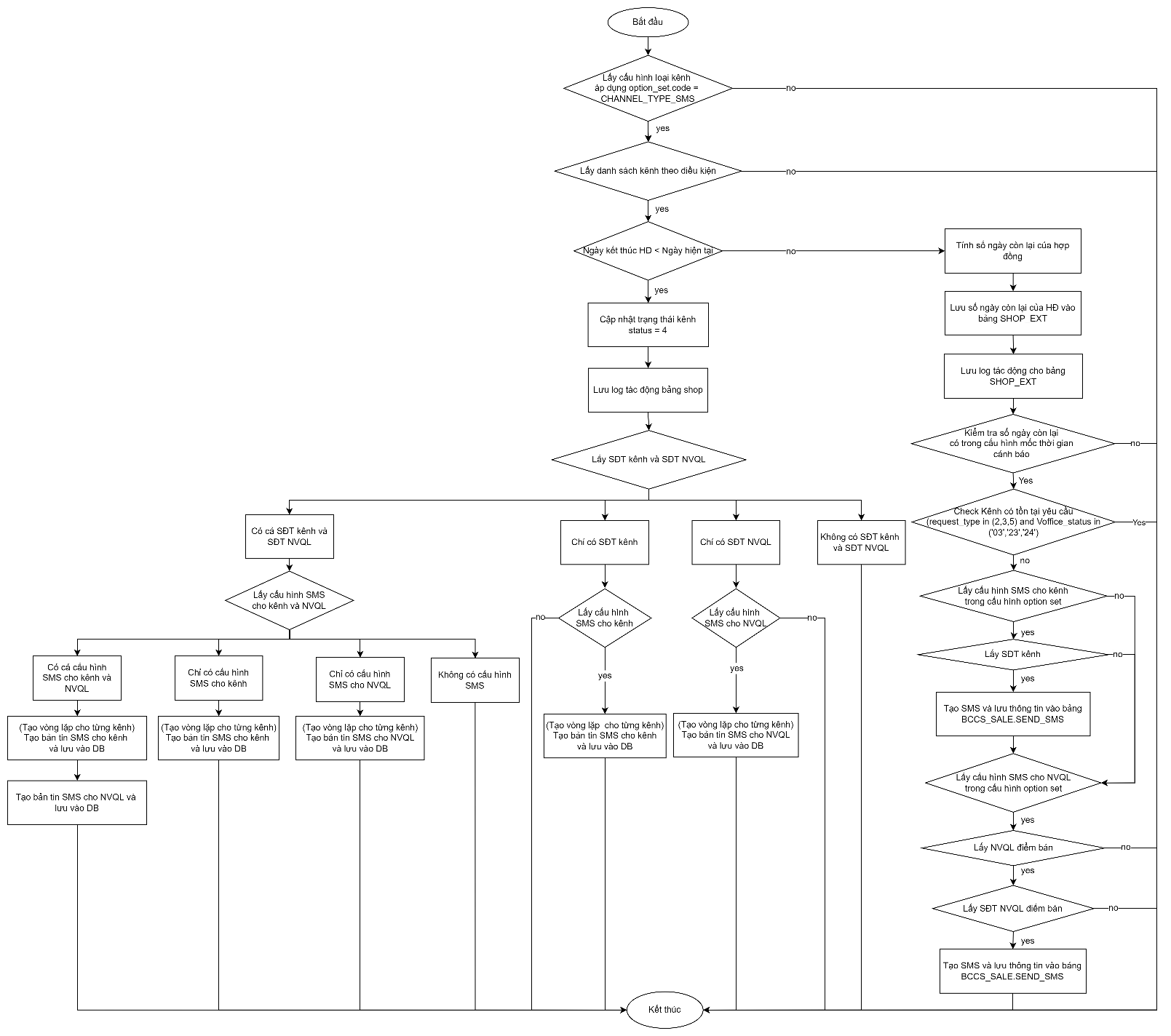
#### **Đối tượng bị tác động**

* Kênh CH/ĐL nằm trong cấu hình option\_set.code = 'CHANNEL\_TYPE\_SMS'

#### **Thay đổi về giao diện**

* N/A

#### **Xử lý sự kiện tương tác**



| **Step** | **Desciption** | **Tái sử dụng** |
| --- | --- | --- |
|  | Vào t giờ mỗi ngày, tiến trình thực hiện quét kênh CH/ĐL sắp hết hạn và hết hạn hợp đồng  Lấy danh sách loại kênh áp dụng để quét tiến trình trong cấu hình option\_set  select ov.value  from option\_set os, option\_set\_value ov  where ov.option\_set\_id = os.option\_set\_id  and ov.status = 1 and os.status =1  and os.code = 'CHANNEL\_TYPE\_SMS';  Nếu SQL có kết quả trả về thì thực hiện step tiếp theo  Nếu SQL không có kết quả trả về thì kết thúc tiến trình | X |
|  | Lấy danh sách kênh hết hạn hợp đồng và sắp hết hạn hợp đồng  select sh.\*,  (select tel from staff where staff\_id = sh.staff\_owner\_id) as staff\_owner\_tel  from shop sh where sh.status = 1  and sh.channel\_type\_id in (:listValue) --- danh sách trường value trả về ở step 1  and trunc(sh.contract\_to\_date) - trunc(sysdate) < t1 ; --- (t1 được cấu hình trong file properties của tiến trình (t1 = 100))  Nếu SQL có kết quả trả về thì thực hiện step tiếp theo  Nếu không có kết quả trả về thì kết thúc tiến trình | X |
|  | Lấy danh sách kênh ở step 2 có Ngày kết thúc hợp đồng (contract\_to\_date) < Ngày hiện tại (sysdate) thì:  select sh.\*,  (select tel from staff where staff\_id = sh.staff\_owner\_id) as staff\_owner\_tel  from shop sh where sh.status = 1  and sh.channel\_type\_id in (:listValue) --- danh sách trường value trả về ở step 1  and trunc(sh.contract\_to\_date) - trunc(sysdate) < t --- (t được cấu hình trong file properties của tiến trình (t = 100))  and trunc(sh.contract\_to\_date) < trunc(sysdate);  Thực hiện Xử lý nghiệp vụ cho kênh hết hạn hợp đồng theo logic hiện tại | X |
|  | Lấy danh sách kênh ở step 2 có Ngày kết thúc hợp đồng (contract\_to\_date) >= Ngày hiện tại (sysdate) thì:  select sh.\*,  (select tel from staff where staff\_id = sh.staff\_owner\_id) as staff\_owner\_tel  from shop sh where sh.status = 1  and sh.channel\_type\_id in (:listValue) --- danh sách trường value trả về ở step 1  and trunc(sh.contract\_to\_date) - trunc(sysdate) < t --- (t được cấu hình trong file properties của tiến trình (t = 100))  and trunc(sh.contract\_to\_date) >= trunc(sysdate);  Chuyển step tiếp theo | X |
| ***Tạo vòng lặp cho từng kênh ở step 4*** | |  |
|  | Tính số ngày còn lại của hợp đồng  Số ngày còn lại của hợp đồng = Ngày kết thúc hợp đồng(contract\_to\_date) – Ngày hiện tại  Lưu thông tin Số ngày còn lại của hợp đồng vào bảng SHOP\_EXT   * KEY = CONTRACT\_VALIDITY\_PERIOD\_ALERT * VALUE = <Số ngày còn lại của hợp đồng>   Kiểm tra đã tồn tại bản ghi lưu Số ngày còn lại của hợp đồng chưa?  SQL1:  Select \* from SHOP\_EXT where shop\_id = :shop\_id and key = 'CONTRACT\_VALIDITY\_PERIOD\_ALERT';  ---shop\_id lấy ở trường shop\_id step 4  Nếu có kết quả trả về thì:  Update shop\_ext set value = <Số ngày còn lại của hợp đồng>, status = 1, update\_datetime = sysdate, update\_user = 'PROCESS' where id = :id; ---lấy id ở SQL1  Nếu không có kết quả trả về thì:  Insert bản ghi mới vào bảng SHOP\_EXT  Trong đó:  ID: Id tự sinh  SHOP\_ID: lấy shop\_id ở SQL step 4  key = 'CONTRACT\_VALIDITY\_PERIOD\_ALERT';  VALUE = <Số ngày còn lại của hợp đồng>  STATUS = 1  CREATE\_USER = 'PROCESS'  CREATE\_DATETIME = sysdate  UPDATE\_USER = 'PROCESS'  UPDATE\_DATETIME = sysdate  CHECK\_DISPLAY = 1 | X |
|  | Thực hiện lưu log tác động ACTION\_AUDIT, ACTION\_DETAIL cho bảng SHOP\_EXT, type = ADD/UPDATE  Insert into ACTION\_AUDIT(action\_code, action\_pyc, description, function, ip, issue\_datetime, pk\_id, pk\_type, reason\_id, shop\_code, user\_name, action\_audit\_id) Values (?, ?, ?, ?, ?, ?, ?, ?, ?, ?, ?, ?);  Insert into ACTION\_DETAIL (action\_audit\_id, col\_name, issue\_date\_time, new\_value, old\_value, row\_id, table\_name, value\_type, action\_detail\_id) Values (?, ?, ?, ?, ?, ?, ?, ?, ?); | X |
|  | Kiểm tra số ngày còn lại của hợp đồng có trong cấu hình mốc thời gian cảnh báo sắp hết hạn hợp đồng trong option\_set  select ov.value  from option\_set os, option\_set\_value ov  where ov.option\_set\_id = os.option\_set\_id  and ov.status = 1 and os.status =1  and os.code = 'CONTRACT\_EXPIRE\_CHANNEL\_CONF'  and ov.name = 'PERIOD\_TIMES\_CONFIG'  and ';' || ov.value || ';' like '%;' || :So\_ngay || ';%'; --- :So\_ngay lấy Số ngày còn lại của hợp đồng ở step 5  Nếu có kết quả trả về thì chuyển step tiếp theo  Nếu không có kết quả trả về thì kết thúc | X |
|  | Check kênh có tồn tại yêu cầu Thay đổi/Gia hạn HDDT/ Huỷ (request\_type in (2,3,5)) và có trạng thái Đang trình ký HDDT/ Đã Ký HDDT/đang trình ký Voffice (Voffice\_status in ('03','23','24'))  SQL:  select cr.\* from channel\_request cr  where status=1  and cr.request\_type in (2,3,5)  and Voffice\_status in ('03','23','24')  and channel\_request\_id in (select channel\_request\_id from shop\_request\_detail where Shop\_id=:Shop\_id);  ---Shop\_id lấy từ step 4  Nếu câu SQL có kết quả thì kết thúc  Nếu câu SQL không có kết quả thì thực hiện Tạo và lưu thông tin SMS cảnh báo sắp hết hạn hợp đồng cho Kênh và NVQL theo logic hiện tại |  |

### Nâng cấp tiến trình quét cảnh báo kênh CTV/ĐB sắp hết hạn và cảnh báo, khoá kênh hết hạn hợp đồng

#### **Thay đổi về nghiệp vụ**

***Hiện trạng:***

* Mỗi ngày tiến trình thực hiện quét kênh CTV/ĐB sắp hết hạn và hết hạn hợp đồng 1 lần vào t giờ (t là khoảng thời gian được cấu hình trong file config của tiến trình)
* Với danh sách các kênh sắp hết hạn hợp đồng (Ngày kết thúc hợp đồng >= Ngày hiện tại) thì thực hiện:
  + Lưu thông tin Số ngày còn lại của hợp đồng = Ngày kết thúc hợp đồng - Ngày hiện tại vào bảng STAFF\_EXT
  + Tạo SMS cảnh báo hợp đồng sắp hết hạn cho kênh và nhân viên quản lý kênh và lưu vào bảng BCCS\_SALE.SEND\_SMS

***Nâng cấp:***

* Mỗi ngày tiến trình thực hiện quét kênh CTV/ĐB sắp hết hạn và hết hạn hợp đồng 1 lần vào t giờ (t là khoảng thời gian được cấu hình trong file config của tiến trình)
* Với danh sách các kênh sắp hết hạn hợp đồng (Ngày kết thúc hợp đồng >= Ngày hiện tại) thì thực hiện:
  + Lưu thông tin Số ngày còn lại của hợp đồng = Ngày kết thúc hợp đồng - Ngày hiện tại vào bảng STAFF\_EXT
  + Bổ sung điều kiện Check Nếu kênh có tồn tại yêu cầu Thay đổi/Gia hạn HDDT/ Huỷ (request\_type in (2,3,5)) và có trạng thái Đang trình ký HDDT/ Đã Ký HDDT/đang trình ký Voffice (Voffice\_status in ('03', '23', '24'))
  + Tạo SMS cảnh báo hợp đồng sắp hết hạn cho kênh và nhân viên quản lý kênh và lưu vào bảng BCCS\_SALE.SEND\_SMS

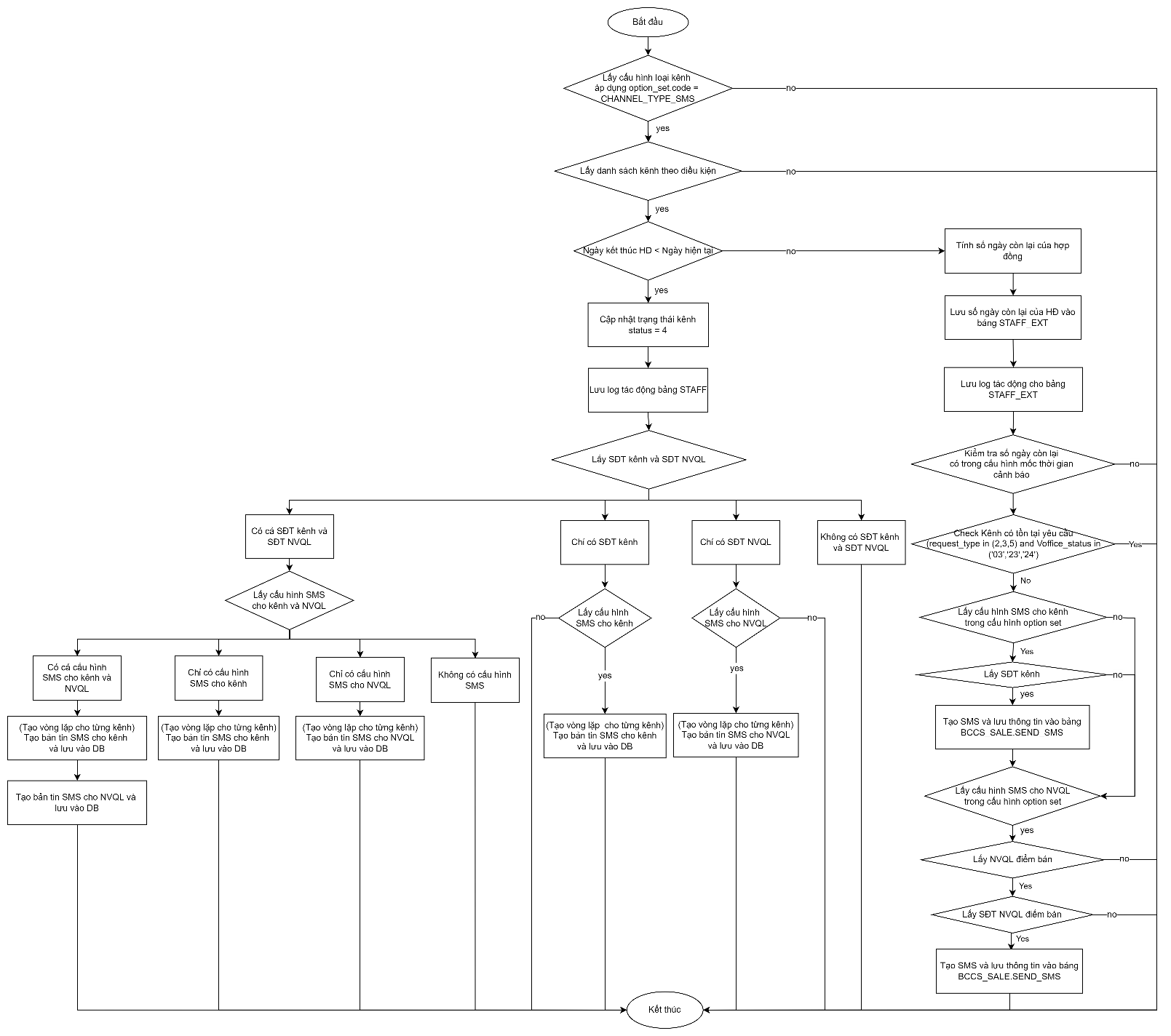
#### **Đối tượng bị tác động**

* Kênh CTV/ĐB nằm trong cấu hình option\_set.code = 'CHANNEL\_TYPE\_SMS'

#### **Thay đổi về giao diện**

* N/A

#### **Xử lý sự kiện tương tác**



| **Step** | **Desciption** | **Tái sử dụng** |
| --- | --- | --- |
|  | Vào t giờ mỗi ngày, tiến trình thực hiện quét kênh CTV/ĐB sắp hết hạn và hết hạn hợp đồng  Lấy danh sách loại kênh áp dụng để quét tiến trình trong cấu hình option\_set  select ov.value  from option\_set os, option\_set\_value ov  where ov.option\_set\_id = os.option\_set\_id  and ov.status = 1 and os.status =1  and os.code = 'CHANNEL\_TYPE\_SMS';  Nếu SQL có kết quả trả về thì thực hiện step tiếp theo  Nếu SQL không có kết quả trả về thì kết thúc tiến trình | X |
|  | Lấy danh sách kênh hết hạn hợp đồng và sắp hết hạn hợp đồng  select s.\*,  (select tel from staff where staff\_id = s.staff\_owner\_id) as staff\_owner\_tel,  (select company\_represent from staff\_info where staff\_id = s.staff\_id and rownum <= 1) as company\_represent  from staff s where s.status = 1  and decode (s.channel\_type\_id, 10,decode (s.point\_of\_sale, '1', '80043', '10'),s.channel\_type\_id) in (:listValue)  --- listValue là danh sách trường value trả về ở step 1  and trunc(s.contract\_to\_date) - trunc(sysdate) < t1 ; --- (t1 được cấu hình trong file properties của tiến trình (t1 = 100))  Nếu SQL có kết quả trả về thì thực hiện step tiếp theo  Nếu không có kết quả trả về thì kết thúc tiến trình | X |
|  | Lấy danh sách kênh ở step 2 có Ngày kết thúc hợp đồng (contract\_to\_date) < Ngày hiện tại (sysdate) thì:  select s.\*,  (select tel from staff where staff\_id = s.staff\_owner\_id) as staff\_owner\_tel,  (select company\_represent from staff\_info where staff\_id = s.staff\_id and rownum <= 1) as company\_represent  from staff s where s.status = 1  and decode (s.channel\_type\_id, 10,decode (s.point\_of\_sale, '1', '80043', '10'),s.channel\_type\_id) in (:listValue)  --- listValue là danh sách trường value trả về ở step 1  and trunc(s.contract\_to\_date) - trunc(sysdate) < t --- (t được cấu hình trong file properties của tiến trình (t = 100))  and trunc(s.contract\_to\_date) < trunc(sysdate);  Thực hiện Xử lý nghiệp vụ cho kênh hết hạn hợp đồng theo logic hiện tại | X |
|  | Lấy danh sách kênh ở step 2 có Ngày kết thúc hợp đồng (contract\_to\_date) >= Ngày hiện tại (sysdate) thì:  select s.\*,  (select tel from staff where staff\_id = s.staff\_owner\_id) as staff\_owner\_tel,  (select company\_represent from staff\_info where staff\_id = s.staff\_id and rownum <= 1) as company\_represent  from staff s where s.status = 1  and decode (s.channel\_type\_id, 10,decode (s.point\_of\_sale, '1', '80043', '10'),s.channel\_type\_id) in (:listValue)  --- listValue là danh sách trường value trả về ở step 1  and trunc(s.contract\_to\_date) - trunc(sysdate) < t --- (t được cấu hình trong file properties của tiến trình (t = 100))  and trunc(s.contract\_to\_date) >= trunc(sysdate);  Chuyển step tiếp theo | X |
| ***Tạo vòng lặp cho từng kênh ở step 4*** | | |
|  | Tính số ngày còn lại của hợp đồng  Số ngày còn lại của hợp đồng = Ngày kết thúc hợp đồng(contract\_to\_date) – Ngày hiện tại  Lưu thông tin Số ngày còn lại của hợp đồng vào bảng STAFF\_EXT   * KEY = CONTRACT\_VALIDITY\_PERIOD\_ALERT * VALUE = <Số ngày còn lại của hợp đồng>   Kiểm tra đã tồn tại bản ghi lưu Số ngày còn lại của hợp đồng chưa?  SQL1:  Select \* from STAFF\_EXT where staff\_id = :staff\_id and key = 'CONTRACT\_VALIDITY\_PERIOD\_ALERT';  ---:staff\_id lấy ở trường staff\_id step 4  Nếu có kết quả trả về thì:  Update staff\_ext set value = <Số ngày còn lại của hợp đồng>, status = 1, update\_datetime = sysdate, update\_user = 'PROCESS' where staff\_ext\_id = :staff\_ext\_id; ---lấy id ở SQL1  Nếu không có kết quả trả về thì:  Insert bản ghi mới vào bảng STAFF\_EXT  Trong đó:  STAFF\_EXT\_ID: Id tự sinh  STAFF\_ID: lấy shop\_id ở SQL step 4  KEY = 'CONTRACT\_VALIDITY\_PERIOD\_ALERT';  VALUE = <Số ngày còn lại của hợp đồng>  STATUS = 1  CREATE\_USER = 'PROCESS'  CREATE\_DATETIME = sysdate  UPDATE\_USER = 'PROCESS'  UPDATE\_DATETIME = sysdate  NOTE = NULL | X |
|  | Thực hiện lưu log tác động ACTION\_AUDIT, ACTION\_DETAIL cho bảng STAFF\_EXT, type = ADD/UPDATE  Insert into ACTION\_AUDIT(action\_code, action\_pyc, description, function, ip, issue\_datetime, pk\_id, pk\_type, reason\_id, shop\_code, user\_name, action\_audit\_id) Values (?, ?, ?, ?, ?, ?, ?, ?, ?, ?, ?, ?);  Insert into ACTION\_DETAIL (action\_audit\_id, col\_name, issue\_date\_time, new\_value, old\_value, row\_id, table\_name, value\_type, action\_detail\_id) Values (?, ?, ?, ?, ?, ?, ?, ?, ?); |  |
|  | Kiểm tra số ngày còn lại của hợp đồng có trong cấu hình mốc thời gian cảnh báo sắp hết hạn hợp đồng trong option\_set  select ov.value  from option\_set os, option\_set\_value ov  where ov.option\_set\_id = os.option\_set\_id  and ov.status = 1 and os.status =1  and os.code = 'CONTRACT\_EXPIRE\_CHANNEL\_CONF'  and ov.name = 'PERIOD\_TIMES\_CONFIG'  and ';' || ov.value || ';' like '%;' || :So\_ngay || ';%'; --- :So\_ngay lấy Số ngày còn lại của hợp đồng ở step 5  Nếu có kết quả trả về thì chuyển step tiếp theo  Nếu không có kết quả trả về thì kết thúc | X |
|  | Check kênh có tồn tại yêu cầu Thay đổi/Gia hạn HDDT/ Huỷ (request\_type in (2,3,5)) và có trạng thái Đang trình ký HDDT/ Đã Ký HDDT/đang trình ký Voffice (Voffice\_status in ('03', '23', '24'))  SQL:  select cr.\* from channel\_request cr  where status=1  and cr.request\_type in (2,3,5)  and Voffice\_status in ('03','23','24')  and channel\_request\_id in (select channel\_request\_id from staff\_request\_detail where Staff\_id=:Staff\_id);  ---Staff\_id lấy từ step 4  Nếu câu SQL có kết quả thì kết thúc  Nếu câu SQL không có kết quả thì thực hiện Tạo và lưu thông tin SMS cảnh báo sắp hết hạn hợp đồng cho Kênh và NVQL theo logic hiện tại |  |

## HƯỚNG DẪN KHAI BÁO CẤU HÌNH NGHIỆP VỤ

### Hướng dẫn khai báo Nhóm huyện theo Shop

| **STT** | **Tên** | **Loại Control** | **Mô tả** |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Mã cấu hình | Text | Truyền Mã cấu hình = 'CHANNEL\_TYPE\_DISTRICT\_GROUP'  Dữ liệu được lưu:  OPTION\_SET.CODE |
|  | Tên cấu hình | Text | Truyền tên cấu hình=Cấu hình Nhóm huyện theo Shop  Dữ liệu được lưu:  OPTION\_SET.NAME |
|  | Mô tả | Text area | Cho phép nhập Mô tả  Dữ liệu được lưu:  OPTION\_SET.DESCRIPTION |
| ***Thêm Cấu hình chi tiết*** | | | |
|  | Tên cấu hình chi tiết | Text | Cho phép nhập key cấu hình  Nhập tên loại kênh  Dữ liệu được lưu:  OPTION\_SET\_VALUE.NAME |
|  | Giá trị | Text area | Cho phép nhập giá trị key cấu hình tương ứng  Nhập Loại kênh (Channel\_type\_id)  Dữ liệu được lưu:  OPTION\_SET\_VALUE.VALUE |
|  | Mô tả | Text area | Cho phép nhập Mô tả  Dữ liệu được lưu:  OPTION\_SET\_VALUE.DESCRIPTION |

### Hướng dẫn khai báo Nhóm huyện

| **STT** | **Tên** | **Loại Control** | **Mô tả** |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Mã cấu hình | Text | Truyền mã cấu hình='SHOP\_DISTRICT\_GROUP'  Dữ liệu được lưu:  OPTION\_SET.CODE |
|  | Tên cấu hình | Text | Truyền tên cấu hình=Cấu hình Nhóm huyện  Dữ liệu được lưu:  OPTION\_SET.NAME |
|  | Mô tả | Text area | Cho phép nhập Mô tả  Dữ liệu được lưu:  OPTION\_SET.DESCRIPTION |
| ***Bổ sung thêm Danh sách cấu hình chi tiết:*** | | | |
|  | Tên cấu hình chi tiết | Text | Bổ sung key cấu hình  Nhập tên Nhóm huyện  Dữ liệu được lưu:  OPTION\_SET\_VALUE.NAME |
|  | Giá trị | Text area | Cho phép nhập giá trị key cấu hình tương ứng  Nhập mã Nhóm huyện  Dữ liệu được lưu:  OPTION\_SET\_VALUE.VALUE |
|  | Mô tả | Text area | Cho phép nhập Mô tả  Dữ liệu được lưu:  OPTION\_SET\_VALUE.DESCRIPTION |

# CHI TIẾT CÁC NGHIỆP VỤ ẢNH HƯỞNG

## Các nghiệp vụ trong cùng hệ thống

* Quản lý gom nhóm huyện theo Shop

## Chức năng của hệ thống khác

* Không có ảnh hưởng chức năng khác